CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 4, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300448709
Reason: your signing reason here
Location: your signing location here
Date: 2024.03.22 17:00:24+07'00'
Foxit PhantomPDF Version: 10.1.0

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

VITRANSCHART. JSC

WWW.VITRANSCHART.COM.VN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

1.1. Thông tin Công ty

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
Tên Tiếng Anh	Viet Nam Sea Transport and Chartering Joint Stock Company
Tên viết tắt	Vitranschart JSC
Mã cổ phiếu	VST
Vốn điều lệ	669.993.370.000 VND
Trụ sở chính	428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại	(028) 3940 4271
Website	www.vitranschart.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 01 tháng 03 năm 2023 với mã doanh nghiệp là 0300448709
Logo	

1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

1975	Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 16 VP/QĐ/TC, Tổng cục Giao thông vận tải
1976	Theo Quyết định số 4683/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam (SOVOSCO) là Xí nghiệp vận tải thuộc Cục đường biển Việt Nam.
1984	Công ty Vận tải và Thuê tàu biển "Transchart" và "Công ty Vận tải biển Sovosco" được hợp nhất thành Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) trực thuộc Tổng cục Đường biển Việt Nam theo Quyết định số 706/TCCB của Bộ trưởng Giao thông vận tải.
1993	Bộ Giao thông vận tải đã ban hành việc thành lập lại DNNN Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam trực thuộc Cục Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 377/QĐ-TCCB-LĐ, tên giao dịch quốc tế là Vietnam Sea transport and Chartering Company (Vitranschart).
2007	Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam được thành lập – Tên viết tắt là Vitranschart JSC.
2009	Ngày 20/2/2009, SGDCK TP.HCM cấp Giấy chứng nhận niêm yết số 14/QĐSGDHCM cho phép Công ty được niêm yết 40 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và mã cổ phiếu VST chính thức được giao dịch vào ngày 26/2/2009.
2015	Ngày 10/06/2015, Công ty đăng ký giao dịch trên sàn của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã cổ phiếu VST.
2015 - nay	Công ty tập trung mọi nguồn lực để duy trì hoạt động ổn định, vượt qua những khó khăn về tài chính và những trở ngại trong kinh doanh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Vận tải biển: Là lĩnh vực kinh doanh then chốt của Công ty, chuyên về khai thác, cho thuê tàu với năng lực đội tàu gồm 06 chiếc có trọng tải từ 6.500 DWT đến 24.000 DWT, tổng trọng tải 122.714 DWT, chuyên chở hàng khô rời đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng trong nước và quốc tế. Sau khi bán thành công tàu VTC Sun vào ngày 26/10/2023, đội tàu còn 05 chiếc, tổng trọng tải 99.133 DWT.
- Tuyển dụng và cung ứng lao động hàng hải: Tuyển dụng, đào tạo, cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho đội tàu Công ty và các chủ tàu trong nước, ngoài nước (Nhật Bản, Đài Loan, v.v…).

2.2. Địa bàn kinh doanh: (Tính theo số chuyến khai thác trong năm).

Địa bàn	Tỷ trọng (%) 2022	Tỷ trọng (%) 2023
Khu vực Đông Nam Á	19%	10%
Khu vực Trung Đông - Nam Á/ Đông Nam Á/ Đông Bắc Á	22%	18%
Khu vực Đông Nam Á - Đông Bắc Á - Đông Nam Á	22%	34%
Khu vực Đông Nam Á - Nam Á	19%	14%
Khu vực Nam Á	7%	6%
Khu vực Bắc Á - Đông Bắc Á - Nam Á	7%	8%
Khu vực Đông Bắc Á	4%	1%
Tổng cộng	**100%**	**100%**

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị Công ty theo quy định tại điểm a, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, theo đó gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Vitranschart JSC là đơn vị thành viên của **Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC).** Số lượng cổ phần VIMC nắm giữ đến thời điểm báo cáo: 29.888.000 cổ phần, chiếm 44,61% vốn điều lệ của Vitranschart JSC.

Trụ sở chính VIMC: Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính của VIMC:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa, đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.
- Hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa.
- Hoạt động đại lý, giao nhận vận chuyển, logistics; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Công ty con của Vitranschart JSC:

Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn: 100%

Trụ sở chính: 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh:

- Quản lý và Cung ứng lao động hàng hải;
- Các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng (HaiDang SMC)
Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn: 100%
Trụ sở chính: Số 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hoạt động kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải biển, bao gồm Thuê và Cho thuê tàu biển;
- Dịch vụ quản lý tàu biển Các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tàu biển.

Chi nhánh của Vitranschart JSC:

Trung tâm E-Logistic và công nghệ thông tin hàng hải Việt Xanh (Vietgreen Center)
Trụ sở chính: Số 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Hoạt động kinh doanh:

- Dịch vụ logistics thương mại điện tử _ E-logistics.
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan.
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng thiết bị hàng hải, thiết bị thông tin liên lạc hàng hải.
- Dịch vụ đại lý vận tải biển. Môi giới thuê tàu biển.
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

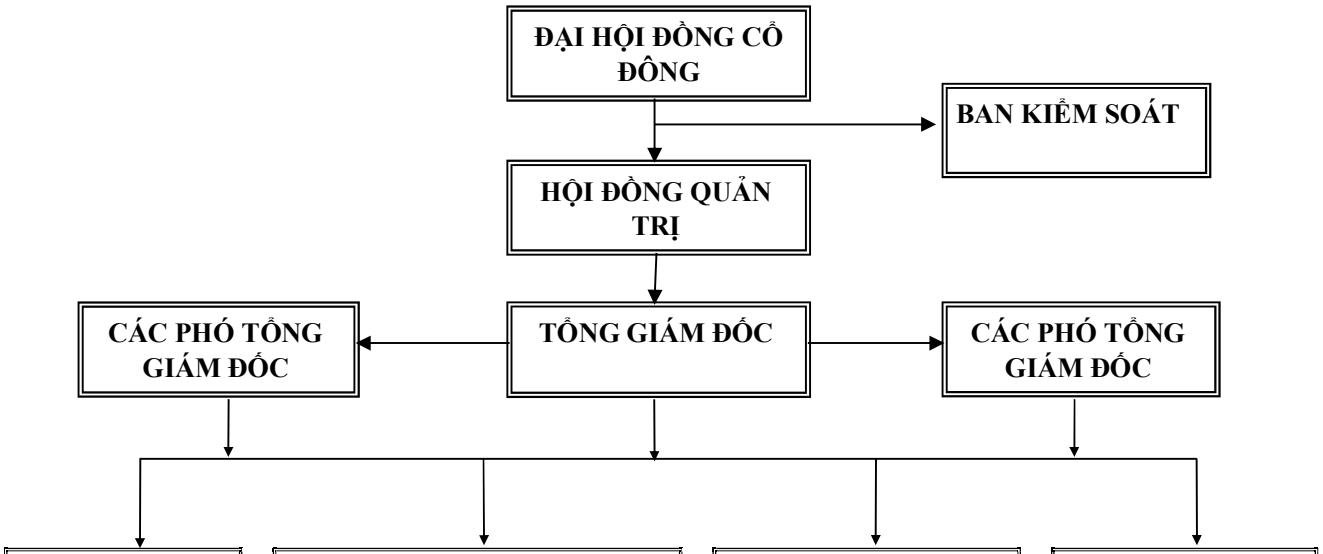

Chi nhánh trực thuộc	Đội tàu kinh doanh vận tải biển		Các phòng ban tham mưu	Công ty con, Công ty liên kết
	Tên tàu	Trọng tải (DWT)		
1- Chi nhánh-Trung tâm E-Logistics và công nghệ thông tin Hàng hải Việt Xanh	1-Viễn Đông 3	6.523	1-Tổ chức Hành chính	1-Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)
	2-VTC Sun *(đã bán ngày 26/10/2023)*	23.581	2-Tài chính Kế toán	2- Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng
	3-VTC Dragon	22.661	3-Kế hoạch Đầu tư	
	4-VTC Ocean	23.492	4-Khai thác Thương vụ	
	5-VTC Phoenix	22.763	5-Kỹ thuật - Vật tư	
	6-VTC Glory	23.620	6-Quản lý Chất lượng	

4. Định hướng phát triển

- **Phương án kinh doanh***:* Mục tiêu chủ yếu của Công ty là ổn định và phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, tìm kiếm cơ hội đầu tư, thường xuyên tìm kiếm và phát triển quan hệ kinh doanh với các đối tác nước ngoài. Khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

- **Kế hoạch tài chính:**
  - Thực hiện cơ cấu tài chính, cơ cấu các khoản nợ vay phù hợp với tình hình thực tế.
  - Thông qua VIMC để tiếp tục kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét cho Vitranschart JSC được xóa lãi vay và khoanh nợ gốc đối với các khoản vay tại Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB) cho các dự án đầu tư đóng mới theo chỉ đạo trước đây của Chính phủ.

- **Phát triển nguồn nhân lực**:
  - Rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo hợp lý.
  - Vận hành Hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả công việc trọng yếu (Key Perfomance Indicator - KPI) theo phương pháp thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard - BSC) và tích hợp trả lương 3Ps.
  - Đánh giá đúng mức cán bộ trên cơ sở khả năng, năng lực công tác, có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ giỏi, có năng lực.
  - Phân công công việc đúng năng lực trình độ của mỗi người lao động.
  - Định biên phù hợp với nhiệm vụ, công việc: Định biên lại theo trung bình tiên tiến, cùng với xu hướng giảm dần định biên hiện nay đối với tất cả các khối, đặc biệt là khối gián tiếp (phục vụ, quản lý).
  - Nghiêm túc thực hiện đánh giá năng lực thuyền viên, phỏng vấn trước khi Công ty thuê và bố trí lên tàu.
  - Chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, nâng cao chất lượng tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ cũng như đạo đức nghề nghiệp cho các thuyền viên;

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Chiến lược phát triển bền vững với trách nhiệm xã hội là nền tảng đã, đang và sẽ luôn là trọng tâm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Vitranschart JSC, bởi sự thành công của một doanh nghiệp không đơn thuần là những con số doanh thu thể hiện trên báo cáo tài chính mà còn là những giá trị thiết thực và lâu dài mà doanh nghiệp đó xây dựng, đóng góp cho cộng đồng.

- Vitranschart JSC luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý những chất thải cũng như không ngừng tìm tòi thêm sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả nhiên liệu, giảm tối đa khí thải gây nên hiệu ứng nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Ngoài ra, định kỳ Công ty phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc.
- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách, đảm bảo đời sống, việc làm đối với cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên để người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Tiếp tục xây dựng, tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào thi đua của Công đoàn Công ty, góp phần nâng cao tinh thần gắn bó giữa cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên trong Công ty, duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBNV với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty.

5. Các yếu tố rủi ro:

5.1. Rủi ro kinh tế và chính trị

Năm 2023 kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là nền kinh tế Trung Quốc phục hồi chậm. Chiến sự Nga-Ukraine bùng nổ từ tháng 02/2022 và vẫn đang diễn biến phức tạp. Các cuộc xung đột và căng thẳng địa chính trị ở nhiều nơi đã tạo nhiều cú sốc cho thế giới. Trong đó, cuộc xung đột vũ trang ở dải Gaza bùng phát từ tháng 10/2023 và đang leo thang, có thể gây ảnh hưởng lan rộng hơn ra nhiều khu vực. Các cuộc tấn công ở Biển Đỏ từ cuối năm 2023 đang gây rất nhiều trở ngại cho các tuyến hàng hải chạy qua hàng lang này và qua kênh Suez. Ngoài ra, lạm phát ở nhiều nơi trên thế giới và các chính sách kiềm chế lạm phát cũng gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế thế giới.

5.2. Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức cổ phần và đã đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, vì vậy Công ty chịu sự hướng dẫn và quản lý chặt chẽ bởi các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Hàng hải và các Nghị định, thông tư liên quan. Các văn bản pháp lý của nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn rất nhiều bất cập, chưa rõ ràng để thực thi và thường xuyên thay đổi, điều này đã tác động đến tình hình hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, hoạt động chính của đội tàu Công ty là chuyên chở hàng khô rời thông qua đường biển và giao thương với quốc tế, do đó đội tàu Công ty phải tuân thủ các Bộ luật, các công ước và thông lệ quốc tế về hàng hải rất khắt khe. Ngoài luật và thông lệ quốc tế, đội tàu Công ty cũng phải tuân thủ luật và thông lệ của các quốc gia và vùng lãnh thổ nơi đội tàu khai thác. Công ty sẽ chịu nhiều rủi ro một khi có sự thay đổi bất chợt về luật định.

Do đặc thù luật và thông lệ hàng hải quốc tế, Công ty cũng phải đối mặt với rủi ro bắt giữ tàu xuất phát từ các tranh chấp hay khiếu nại hàng hải. Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Công ước Lao động Hàng hải 2006 (MLC 2006 có yêu cầu khắt khe; Các Quy định về lương Bảo hiểm xã hội và mức lương tối thiểu vùng vẫn còn nhiều bất cập để áp dụng cho thuyền viên trong thời gian nghỉ dự trữ).

Gần đây IMO đưa vào áp dụng nhiều quy định mới: Quy định về Quản lý nước dằn (đội tàu phải lắp đặt thiết bị xử lý nước dằn thì mới được tham gia vào hoạt động tuyến Quốc tế), cũng như quy định về quản lý phát thải khi Carbon nên đội tàu phải lắp đặt thiết bị kiểm soát công suất máy chính dẫn đến công suất khai thác hiện tại của máy chính chỉ còn 65% công suất ban đầu, các quy định này làm phát sinh rủi ro tàu không đạt được tốc độ hợp đồng trong khai thác, khó khăn để đáp ứng được yêu cầu của người thuê.

Để hạn chế những ảnh hưởng của rủi ro pháp luật, Công ty thường xuyên theo dõi và cập nhật những văn bản pháp lý mới nhất nhằm có sự thay đổi về chính sách, kế hoạch hoạt động để kịp thời triển khai các biện pháp hướng đến tuân thủ các quy định mới, chú trọng công tác quản trị rủi ro, nhằm giảm thiểu tối đa các rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh.

5.3. Rủi ro hàng hải

Ngành vận tải biển là ngành chịu tác động trực tiếp bởi các yếu tố tiêu cực của thời tiết như bão, lốc xoáy, sóng thần, … Những năm gần đây, do biến đổi khí hậu toàn cầu nên diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp và luôn tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các nhân tố trên không chỉ ảnh hưởng đến vận hành của tàu biển, gây chậm trễ hàng hóa mà còn liên quan đến sự an toàn tính mạng của con người. Ngoài ra, Công ty còn phải đối diện với các vấn nạn quốc tế như nạn bắt cóc, cướp biển, bất ổn chính trị ngày càng lan rộng ra nhiều vùng biển….

Hiện nay tình hình chiến tranh giữa Nga và Ukraine làm phát sinh nhiều rủi ro cho việc tàu bị lưu giữ, phí bảo hiểm tăng cao, cũng như bị hạn chế trong quá trình khai thác liên quan việc các chính sách cấm vận khi tàu hoạt động tại các nước này.

Tình hình bất ổn của lực lượng nổi dậy Houthi ở Yemen tại Biển Đỏ làm phát sinh nhiều rủi ro tàu bị tấn công khi đi qua hoặc hoạt động các vùng lân cận.

Công ty có chính sách mua bảo hiểm cho con người, tài sản để bảo hiểm cho các rủi ro có thể gây ra tổn thất, đồng thời đảm bảo trang bị các thiết bị an toàn cho người lao động tham gia trực tiếp vào hành trình vận chuyển hàng hóa.

5.4. Rủi ro nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực của ngành vận tải biển tương đối khan hiếm do những đòi hỏi gắt gao về trình độ chuyên môn, kỹ thuật cũng như kinh nghiệm khi xử lý các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển trên biển. Trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc thu hút và gìn giữ lao động giỏi, có khả năng đáp ứng công việc là mối quan tâm hàng đầu của Công ty, theo đó việc Công ty tuân thủ nghiêm túc Công ước lao động hàng hải Quốc tế (MLC 2006) đã góp phần đáng kể tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng được cải thiện rõ rệt.

Công ty luôn chú trọng đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động cùng với xây dựng chính sách tiền lương minh bạch, công bằng và phù hợp với thị trường lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo cho lao động nhiều cơ hội thăng tiến, sử dụng các chế độ đãi ngộ để duy trì sự gắn bó trung thành của người lao động và thu hút đội ngũ kế thừa trong tương lai.

5.5. Rủi ro khác

Các công ty vận tải biển thường có doanh thu và các khoản nợ vay lớn, do đó lãi suất hay tỷ giá ngoại tệ thay đổi sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Kết thúc năm 2023, tỷ giá giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) ở mức 24.250 đồng/USD, tăng hơn 2,8% so với tỷ giá 23.580 đồng/USD vào đầu năm 2023.

Công ty luôn chủ động nắm bắt tình hình thị trường, lập kế hoạch tài chính và thường xuyên kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng, linh hoạt trong các hình thức thanh toán … nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro do biến động tỷ giá.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Ngay từ đầu năm 2023, thị trường cước tàu hàng khô rời đã bắt đầu khuynh hướng giảm rất sâu, cụ thể:

- Giá cước tàu hàng khô rời trong Quý I/2023 giảm so với Quý IV/2022 bởi nhiều nguyên nhân: Thị trường giảm theo mùa do ảnh hưởng bởi kỳ nghỉ Lễ, Tết. Ngoài ra, Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục tăng lãi suất cơ bản nhằm kiềm chế lạm phát của nước này đã tác động xấu đến tâm lý thị trường.
- Thị trường tàu hàng khô rời trong Quý II/ 2023 diễn biến chậm. Chỉ phân khúc tàu Capesize có những tín hiệu lạc quan tuy nhiên không duy trì ổn định, đối với các phân khúc tàu còn lại, thị trường tiếp tục duy trì đà giảm do dư thừa nguồn cung tàu trong khi nguồn hang lại bị thiếu hụt.
- Trong Quý III/2023, các phân khúc tàu lớn có dấu hiệu phục hồi vào cuối quý nhưng cũng chỉ ở mức thấp, tàu cỡ nhỏ phục hồi kém hơn. Các hoạt động khai thác đội tàu chịu nhiều ảnh hưởng xấu do điều kiện thời tiết trong mùa mưa bão.
- Quý IV năm 2023, thị trường vận tải tàu hàng khô rời diễn biến tích cực hơn, một phần do việc tắc nghẽn lưu thông tại khu vực kênh đào Panama. Nhìn chung thị trường vẫn còn ở mức thấp.

Chỉ số BDI và BHSI bình quân năm 2023 lần lượt đạt 1.378 điểm và 579 điểm, giảm 29% và 55% tương ứng so với năm 2022.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

- Trong bối cảnh hoạt động SXKD liên tục biến động, nhưng nhờ vào sự chỉ đạo sát sao và hoạch định chiến lược đúng đắn của Ban Lãnh đạo Công ty, cùng với sự đoàn kết, cố gắng, quyết tâm của tập thể CBNV - SQTV, Công ty đã thực hiện thành công tái cơ cấu tài chính với các tổ chức tín dụng thương mại, đem lại khoản thu gần 571 tỷ đồng và bán thành công tàu VTC Sun vào cuối tháng 10/2023 thu lãi gần 85 tỷ đồng, dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2023 toàn công ty lãi hơn 560 tỷ đồng, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	KH 2023	TH 2023	TH 2023/ TH 2022	TH 2023 / KH 2023
1. Sản lượng vận chuyển	Triệu Tấn	1,48	1,24	1,24	84%	100%
2. Tổng doanh thu (*)	Tỷ VND	958,49	597,02	1.100,93	115%	184%
- Vận tải	Tỷ VND	572,09	297,66	220,40	39%	74%
- Kinh doanh khác	Tỷ VND	205,94	214,21	217,27	106%	101%
- HĐTC & HĐ khác	Tỷ VND	180,46	85,15	663,26	368%	779%
3. Lãi (+)/Lỗ (-)	**Tỷ VND**	**217,45**	**633,96**	**560,42**	**258%**	**88%**

*(*) **Ghi chú:** Tổng doanh thu KH 2023 không bao gồm thu từ tái cơ cấu tài chính.*

Một số chỉ tiêu chủ yếu thực hiện như sau:

- ***Sản lượng:*** Năm 2023 thực hiện 1,24 triệu tấn, đạt kế hoạch năm nhưng giảm 16% so với năm 2022 do giảm tàu.
- ***Tổng Doanh thu:*** Cả năm thực hiện 1.100,93 tỷ đồng, vượt 84% kế hoạch và tăng 15% so với năm trước, bao gồm:

+ Doanh thu vận tải thực hiện 220,4 tỷ đồng, đạt 74% so với kế hoạch và giảm 61% so với năm 2022 do trọng tải tàu giảm và cước vận tải giảm.

+ Doanh thu các dịch vụ kinh doanh khác (đã trừ doanh thu nội bộ) thực hiện 217,27 tỷ đồng, tăng 1% so với kế hoạch năm và tăng 6% so với năm trước do lượng thuyền viên xuất khẩu tăng.

+ Doanh thu hoạt động tài chính và hoạt động khác (bao gồm khoản thu từ tái cơ cấu tài chính và lãi bán tàu VTC Sun) thực hiện 663,26 tỷ đồng, tăng 268% so với năm 2022 và 679% so với kế hoạch năm 2023 chủ yếu từ khoản thu tái cơ cấu tài chính.

- Lãi (lỗ): Cả năm toàn Công ty lãi 560,42 tỷ đồng, tăng 158% so với cùng kỳ và đạt 88% kế hoạch năm, chủ yếu lãi nhờ xử lý tài chính và hoạt động khác (lãi bán tàu VTC Sun), trong đó: Kinh doanh khác lãi 13,83 tỷ đồng, tăng 18% so với kế hoạch năm nhưng giảm 4% so với cùng kỳ do lương thuyền viên đi thuê tăng.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành (tính đến thời điểm 31/12/2023):

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc	Đại diện: 9.379.907	14%
2	Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc	8.002	0,01%
3	Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
4	Lê Kim Phượng	Kế toán trưởng	6.108	0,009%

b. Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

➢ **Ông Trịnh Hữu Lương**

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư - Thạc sỹ kế toán, Cử nhân Anh Văn

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
2000 – 8/2006	Chuyên viên phòng TCKT Công ty Vận tải Biển Bắc
9/2006 – 7/2007	Phó phòng TCKT Công ty Vận tải Biển Bắc
8/2007 – 11/2011	Ủy viên HĐQT thường trực kiêm Phụ trách tài chính Công ty Vận tải Biển Bắc
12/2011 – 8/2012	Trưởng Phòng thư ký tổng hợp-Thư ký Tổng giám đốc Tổng Công Hàng hải Việt Nam (HHVN)
8/2012 – 2/2013	Phó trưởng ban tài chính kiêm trợ lý Tổng giám đốc Tổng Công HHVN
2/2013 – 1/2014	Phó trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN
02/2014 – 6/2014	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN
7/2014 – 1/2015	Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng
2/2015 – 5/2015	Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Biển Bắc
5/2015 – 4/2016	Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải Biển Bắc
5/2016 – 5/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông (được đổi tên từ Công ty CP Vận tải Biển Bắc)
6/2020 – 8/2020	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
9/2020 – 4/2021	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
5/2021 – 4/2022	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
5/2022 – 4/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
5/2023 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

➢ **Bà Mai Thị Thu Vân**

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 1974
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Cử nhân Anh Văn

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
1998 - 1/2008	- Kế toán viên Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam/ Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (từ 31/12/2007)
1/2008 - 4/2012	- Phó Trưởng Phòng TCKT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
4/2012 - 6/2018	Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.
7/2018 – 7/2019	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
7/2019 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

➢ **Ông Vương Nguyễn Triều Quang**

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 1982
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ vỏ tàu biển và kỹ thuật Hàng hải

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
8/2008 - 10/2016	Chuyên viên chính Phòng kỹ thuật Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam
11/2016 - 7/2020	Phó trưởng Phòng Vật tư Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam
8/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam

➢ **Bà Lê Kim Phượng**

- Chức vụ: Kế toán trưởng
- Năm sinh: 1976
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kinh doanh tiền tệ - tín dụng, ngành quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
5/2000 - 8/2004	Kế toán viên Trung Tâm Đào tạo, Môi giới và Xuất khẩu Thuyền viên Phía Nam thuộc Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
8/2004 - 9/2014	Kế toán viên Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
9/2014 - 7/2019	Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
7/2019 – nay	Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

c. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2023, không có thay đổi trong Ban điều hành.

d. Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2023:

Toàn công ty:

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	**Theo trình độ lao động**	**719**	**100%**
1	Trình độ đại học, trên đại học	221	30,74%
2	Trình độ cao đẳng	182	25,31%
4	Trình độ trung cấp	79	10,99%
5	Công nhân kỹ thuật	45	6,26%
6	Lao động phổ thông	192	26,70%
II	**Theo loại hợp đồng lao động**	**719**	**100%**
1	Hợp đồng không thời hạn	491	68,29%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	06	0,83%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	222	30,88%
III	**Theo giới tính**	**719**	**100%**
1	Nam	688	95,69%
2	Nữ	31	4,31%

Thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- **Chính sách lương thưởng**

Năm 2023, Công ty tiếp tục áp dụng Quy chế phân phối tiền lương 3Ps, theo đó chú trọng đánh giá hiệu quả công việc, KPI vừa đảm bảo thực hiện đúng các quy định pháp luật về tiền lương vừa khuyến khích được người lao động cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Mặc dù gặp khó khăn do nhiều biến động, giá cước vận tải giảm sâu nhưng Ban Điều hành Công ty đã chỉ đạo phân phối tiền lương và thu nhập khá sát với tình hình thực tế hoạt động SXKD và thị trường lao động, có chính sách động viên CBNV-SQTV kịp thời, góp phần duy trì nguồn nhân lực cho Công ty.

Công ty vẫn cố gắng nỗ lực thực hiện bổ sung tháng lương thứ 13 cho CBNV & SQTV vào dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 tạo không khí phấn khởi cho toàn thể người lao động Công ty tạo động lực để NLĐ gắn bó với Công ty cùng tích cực triển khai nhiệm vụ SXKD năm 2024 đạt hiệu quả.

Phân chia tiền lương và thu nhập, tiền công lao động ngoài chức trách cho thuyền viên được thực hiện đúng theo quy định và Quy chế Tiền lương của Công ty. Thực hiện trả lương qua tài khoản cá nhân có tác dụng tốt đối với SQTV làm việc trên tàu.

Các khoản tiền công phát sinh trong năm 2023 được Công ty thanh toán ngay giúp anh em thuyền viên hết sức phấn khởi. Đáng chú ý là thời hạn chi trả tiền lương không những được bảo đảm theo quy định MLC 2006 và Thỏa ước lao động tập thể, mà còn được chú ý trả sớm hơn và kịp thời trước các dịp Lễ đối với thuyền viên làm việc trên đội tàu Công ty.

Thực hiện việc khen thưởng đúng quy chế của Công ty. Năm 2023, Công ty đã ban hành Quy chế Thi đua khen thưởng có nhiều nội dung sửa đổi phù hợp với thực tế hoạt động SXKD như đổi mới các hình thức thi đua, xét tăng danh hiệu, thực hiện chi thưởng đột xuất, thưởng nóng, biểu dương kịp thời các cá nhân, tập thể có đóng góp tích cực mang lại hiệu quả cho hoạt động SXKD của Công ty. Tuy Quỹ khen thưởng còn hạn chế, nhưng Lãnh đạo Công ty đã cố gắng huy động các nguồn để thực hiện chi với số tiền trên 200 triệu đồng cho các tập thể, cá nhân, trong đó chủ yếu là các SQTV tàu Công ty có thành tích đảm bảo ngày tàu, giao hàng đủ, khắc phục sửa chữa tàu, việc này đã thật sự khuyến khích người lao động hưởng ứng phong trào thi đua, tìm tòi giải pháp, phát huy sáng tạo để đóng góp công sức vào lao động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Stt	**Năm**	**Thu nhập bình quân khối sản xuất chính** (Triệu đồng/người/tháng)
1	2019	23,38
2	2020	24,10
3	2021	25,75
4	2022	31,25
5	2023	32,13

- **Chính sách phúc lợi**

Hoạt động phục vụ cho phúc lợi của Công ty năm 2023 đúng theo quy chế, chủ yếu chăm lo cho đời sống CBNV & SQTV, các hoạt động hàng năm do Công đoàn Công ty đứng ra tổ chức, đạt kết quả tích cực. Năm 2023 từ 17-19/08/2023, Công ty tổ chức tham quan du lịch cho CBNV, SQTV tại thành phố Hạ Long kết hợp Hội nghị tuyên truyền Văn hóa doanh nghiệp với kinh phí 450 triệu, chương trình đã góp phần tạo gắn kết cho người lao động chung cùng mái nhà Vitranschart. Công ty đã cố gắng hỗ trợ chi thêm tiền cho người lao động vào các dịp Lễ, Tết và tiếp tục duy trì các hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách Công ty vào dịp Tết Nguyên đán.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Do tình hình tài chính khó khăn và cơ chế chính sách chưa cho phép triển khai nên Công ty không thực hiện dự án đầu tư trong năm 2023. Công ty đang triển khai hoàn thiện thủ tục pháp lý để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc kết hợp văn phòng cho thuê tại khu đất 428 Nguyễn Tất Thành, phường 18, Quận 4.

b) Các công ty con: Trong năm 2023, 02 công ty con gồm SCCM và Hải Đăng SMC hoạt động ổn định và hiệu quả, cụ thể:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Vốn góp của Vitranschart/ Vốn Điều lệ (%)	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
1	**Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)**	100 %	224.080	12.809
2	**Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng (HaiDang SMC)**	100%	41.687	187

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính *(Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất 2023 đã kiểm toán)*

Đơn vị tính: *Triệu đồng*

Chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023	% Tăng/giảm
Tổng tài sản	574.136	458.820	
Trong đó:			
- Tài sản ngắn hạn	*246.240*	*225.560*	*-8,4%*
- Tài sản dài hạn	*327.896*	*233.260*	*-28,9%*
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	778.028	437.667	-43,7%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	234.263	-8.120	-103,5%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	117.028	-87.842	-175,1%
Lợi nhuận khác	100.419	648.260	545,5%
Lợi nhuận trước thuế	217.448	560.419	157,7%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	214.539	557.820	160,0%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

Tài sản ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2023 giảm 20 tỷ đồng, tỷ trọng của tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản tăng 6,3% so với thời điểm 31/12/2022, Công ty đã cải thiện rất nhiều về khả năng thanh toán các khoản nợ so với năm trước.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ *tiêu*	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn*:* Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh*:* Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	 0,14 0,12	 0,19 0,16	
2*. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn* + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	 3,62 3,30	 2,97 2,17	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho*:* Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Vòng quay tổng tài *Sản:* Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	 13,30 1,28	 12,21 0,85	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	 28% 34% 37% 15%	 127% 89% 122% -20%	

5. Cơ cấu cổ đông:

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 66.999.337 cổ phần
Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
Cổ phần tự do chuyển nhượng: 66.999.337 cổ phần
Cổ phiếu quỹ: Không có

b. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ đông
I	**Cổ đông lớn và cổ đông khác**			
1	Cổ đông lớn	35.888.000	53,56%	2
	- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP	*29.888.000*	*44,61%*	*1*
	- Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	*6.000.000*	*8,95%*	*1*
2	Cổ đông khác	31.111.337	46,44%	2.942
II	**Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân**			
1	Cổ đông tổ chức	39.707.131	59,27%	21
2	Cổ đông cá nhân	27.292.206	40,73%	2.923

(Theo danh sách cổ đông do VSDC chốt ngày 29/02/2024)

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- 2010: Công ty tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng lên 589.993.370.000 đồng để phục vụ cho hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh.

- 2018: Công ty tăng vốn điều lệ từ 589.993.370.000 đồng lên 609.993.370.000 đồng để tái cơ cấu tài chính.

- 2020: Công ty tăng vốn điều lệ từ 609.993.370.000 đồng lên 629.993.370.000 đồng để tái cơ cấu tài chính.

- Tháng 02/2023: Công ty tăng vốn điều lệ từ 629.993.370.000 đồng lên 669.993.370.000 đồng để tái cơ cấu tài chính.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo đánh giá tác động đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

- Công ty ban hành chính sách thể hiện chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải của đội tàu cũng như không ngừng tìm tòi những sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả tối đa nhiên liệu, giảm khí thải nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Toàn thể cán bộ nhân viên Công ty luôn ý thức trong việc thực hành tiết kiệm năng lượng nhằm bảo vệ môi trường, vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

- Tuyên truyền và phát động các kế hoạch về bảo vệ môi trường xanh, sử sụng nhiên liệu sạch, thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định, phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc, hưởng ứng các phong trào bảo vệ môi trường bằng nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực và đạt được kết quả tốt.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty luôn kiểm soát, quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nhiên liệu, vật liệu, vật tư và phụ tùng trong chuỗi quy trình cung cấp dịch vụ.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Công ty đã xây dựng và triển khai "Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm năm 2023" trong đó luôn chú trọng các chỉ tiêu sử dụng tiết kiệm năng lượng trong toàn Công ty; tái sử dụng giấy một mặt;

- Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng, tuân thủ nghiêm túc các công ước quốc tế để giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm môi trường như sử dụng nhiên liệu không vượt quá 0,5% S bắt đầu từ ngày 1/1/2021, áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ.

- Kiểm soát chặt chẽ tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhờn, vật tư, nước ngọt tránh thất thoát, lãng phí. Tăng cường giám sát lượng nhiên liệu tồn trên tàu. Kiểm soát tốt tình trạng kỹ thuật đội tàu, tăng cường cung cấp phụ tùng chính hãng thay thế cho các thiết bị quan trọng để duy trì tốt tình trạng kỹ thuật cũng như đáp ứng yêu cầu về khí thải, bảo vệ môi trường và giảm tiêu hao nhiên liệu.

- Các loại năng lượng tiêu thụ trực tiếp năm 2023, gồm điện tiêu thụ 123.112 KW với chi phí là 404.820.564 đồng, chủ yếu phục vụ khối văn phòng; xăng cho xe ô tô tiêu thụ 2.579 lít với chi phí 58.200.000 đồng.

Có thể nói, Công ty đã quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường theo đúng khẩu hiệu "Hãy hành động vì môi trường xanh, bền vững".

6.4. Tiêu thụ nước

Công ty luôn khuyến khích cán bộ, công nhân viên sử dụng tiết kiệm nước. Vấn đề ô nhiễm nguồn nước luôn được Công ty chú trọng với việc tuân thủ các quy định về khu vực xả thải, tiếp tục tuân thủ trang bị hệ thống quản lý nước dằn cho các tàu theo lộ trình. Thực hiện quy định phân loại rác trên tàu, xả rác đúng quy định, rác không phân hủy được tập trung và chuyển lên bờ, nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nhất là môi trường biển.

Nguồn cung cấp nước chủ yếu nguồn thủy cục, năm 2023 lượng nước tiêu thụ phục vụ khối văn phòng Công ty là 1.207m3 với chi phí 32.531.149 đồng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Trong năm không để xảy ra trường hợp vi phạm nào.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2023 là 719 người(nữ 31 người), trong đó Văn phòng Vitranschart là 55 người, Hải Đăng 1, SCCM là 663 người, lực lượng lao động trực tiếp (khối sỹ quan thuyền viên) là 639. Trong năm 2023, tiền lương bình quân của người lao động đạt 32,13 triệu đồng/người/tháng (riêng khối thuyền viên làm việc trực tiếp trên tàu, tiền lương bình quân là 37,91 triệu đồng/người/tháng). Hàng tháng, Công ty đều thanh toán lương cho người lao động đầy đủ và đúng theo quy định.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Nguồn lực con người với Công ty là tài sản giá trị lớn nhất và là yếu tố quyết định sự thành công trong các chiến lược của Công ty. Với mỗi người lao động vào làm việc, Công ty đều đảm bảo có một công việc phù hợp, có thu nhập và phúc lợi xứng đáng. Công ty thực hiện ký kết hợp đồng lao động và chi trả lương cho người lao động đúng theo quy định của pháp luật và theo đúng quy chế nội bộ về nhân sự của Công ty, người lao động làm thêm giờ sẽ có chính sách phù hợp. Góp phần vào việc phát triển Công ty một cách bền vững.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV; Tạo sân chơi thể dục, thể thao, văn nghệ cho người lao động rèn luyện cải thiện thể lực, sức khỏe, tinh thần.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty tổ chức thực hiện công tác đào tạo theo Quy chế, trong đó tập trung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Năm 2023: việc đào tạo chủ yếu thực hiện bằng hình thức online. Trong năm, Công ty tổ chức khá nhiều buổi huấn luyện nội bộ về các nội dung Văn hóa doanh nghiệp, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, nghiệp vụ hóa đơn chứng từ, bảo hiểm tàu,… Ngoài ra, nhiều CBNV, SQTV tự học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ của bản thân thông qua các khóa học ngoài giờ, học online theo chương trình của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Môi trường làm việc

Công ty có chủ trương xuyên suốt và chú trọng chăm lo đến điều kiện làm việc, môi trường làm việc cho CBNV, SQTV, nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần tăng năng suất, hiệu quả lao động đi đôi với đảm bảo sức khỏe, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động (TNLĐ), bệnh nghề nghiệp tại Công ty, góp phần tạo nên sự yên tâm, gắn bó với Công ty của người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng truyền thống, tạo nên nét văn hóa doanh nghiệp, đẩy mạnh tuyên truyền, học tập **Bộ quy tắc ứng xử** Công ty, tạo lập môi trường làm việc thân thiện, chan hòa, sẻ chia, giúp nhau cùng tiến bộ.

Khối văn phòng Công ty, các Chi nhánh Công ty đảm bảo đầy đủ dụng cụ làm việc cần thiết, phù hợp cho từng chức danh; phòng làm việc đầy đủ ánh sáng, trang bị máy lạnh, thông thoáng; khuôn viên cây xanh, sạch đẹp, an toàn. Năm 2023 tiếp tục thực hiện may đồng phục cho toàn thể CBNV khối văn phòng Công ty. Tổ chức nấu ăn trưa tại bếp ăn Công ty đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tại các tàu biển Công ty, đi đôi với việc tuân thủ nghiêm túc Công ước lao động hàng hải Quốc tế (MLC 2006), từ chính sách đến thực hiện, đã góp phần đáng kể tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng cải thiện được rõ rệt. Đảm bảo cung cấp đầy đủ thuốc theo tiêu chuẩn của IMO, luôn bổ sung thay thế những thuốc đã hết hạn sử dụng. Đảm bảo vệ sinh môi trường sống và làm việc, cung cấp đầy đủ thuốc và phương tiện diệt mối, gián, chuột, chống muỗi.

Chế độ tiền ăn định lượng thuyền viên và tiền ăn ca trưa của CBNV được Công ty chi trả ở mức tối đa được phép, theo đó khối văn phòng là 730.000 đồng/người/tháng; khối thuyền viên Công ty đã tăng tiền ăn tuyến Châu Á từ 7usd/ngày lên 7,5 USD/ngày và áp dụng mức tiền ăn nước ngoài khi tàu về sửa chữa trong nước có thời gian dưới 30 ngày. Một số trường hợp đặc biệt, Công ty có bổ sung thực phẩm tươi theo hóa đơn GTGT mua hàng phù hợp tình hình thực tế.

Ngày 27/10/2023, Công ty ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc thay thế quy chế trước đây và phù hợp đặc điểm tình hình mới, đảm bảo quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của người sử dụng lao động (NSDLĐ) và người lao động (NLĐ) tại Công ty.

Quy chế phân phối Tiền lương 3Ps được áp dụng, Quy chế Tuyển dụng, Quy chế đào tạo và phát triển đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành cho phù hợp tình hình mới; các quy chế, quy định khác của Công ty có liên quan trực tiếp đến người lao động được triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Bảo đảm thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi theo qui định của Bộ Luật lao động, Bộ Giao thông vận tải và Nội quy lao động của Công ty và có lợi hơn cho người lao động.

Công tác an toàn, bảo hộ lao động

Công ty có Quy định công tác an toàn lao động, Bảo hộ lao động, quy định trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong hoạt động của mình phải bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại đơn vị, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty có lập kế hoạch công tác bảo hộ lao động, bao gồm các chi phí cho công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

Công tác an toàn phòng chống cháy nổ luôn được quan tâm. Tại Văn phòng Công ty có Đội PCCC cơ sở, hệ thống phương tiện chữa cháy được trang bị đầy đủ, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng. Định kỳ hàng quý và các dịp Lễ Tết nghỉ dài ngày, cán bộ PCCC xuống kiểm tra rà soát toàn bộ công tác an toàn PCCC Công ty. Công ty đã phối hợp cùng Phòng Cảnh sát PCCC Quận 4 tổ chức huấn luyện, diễn tập phương án chữa cháy và thực tập cứu hộ, cứu nạn cho CBNV.

Trên đội tàu Công ty, công tác an toàn bảo hộ lao động cũng được chú trọng. Thuyền viên xuống tàu được cấp phát trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Trong điều kiện khó khăn tài chính nhưng Công ty đảm bảo cung cấp BHLĐ cho người lao động đúng, đủ, kịp thời và tiết kiệm, phù hợp theo tiêu chuẩn trang bị BHLĐ được ban hành tại Quyết định số 435/QĐ-TCLĐ ngày 03/11/2015. Trong năm đã cấp tổng cộng cho 175 lượt thuyền viên xuống tàu làm việc.

Hệ thống phương tiện, biển báo cứu hỏa bố trí đầy đủ, đúng quy định. Khi tàu về các cảng tại Tp. Hồ Chí Minh đều có cán bộ phụ trách xuống kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, nhắc nhở việc tuân thủ quy định bảo hộ lao động. Năm 2023 đã kiểm tra 04 tàu, đánh giá chung các tàu đều nghiêm túc thực hiện tốt công tác này.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBNV, SQTV với xã hội và cộng đồng cũng như phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty:

- Ủng hộ quỹ vì người nghèo Công ty đóng góp được hơn 66 triệu đồng.

- Chi tiền tài trợ kinh phí Xây dựng Nhà đa năng trường Tiểu học xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thông qua Uỷ ban nhân dân xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, với số tiền là: 300.000.000 đồng.

- Chi tiền tài trợ 05 bộ máy tính để bàn phục vụ việc dạy và học tại Trường Tiểu học Yên Hồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định**,** với số tiền là: 40.500.000 đồng.

- Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh Hùng Nguyễn Thị Diệp tại Huyện Chợ Lách, Bến Tre với số tiền 19,740 triệu đồng.

- Ủng hộ xây dựng 01 căn nhà tình thương cho bà Võ Thị Liễu, tại Huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, kinh phi xây dựng là 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, tích cực tham gia các phong trào, hoạt động xã hội khác, tham gia hiến máu nhân đạo, …

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2023, Công ty đã khai thác tối đa các nguồn lực tự có với đội tàu hàng khô gồm 6 chiếc, tổng trọng tải xấp xỉ 123 nghìn DWT, tuổi tàu bình quân 21 tuổi, trong đó có tàu VTC Sun đã 27 tuổi (bán thành công vào cuối tháng 10/2023 do tàu cũ, già, khó khai thác; chi phí sửa chữa, phí bảo hiểm cao). Công ty nỗ lực tăng hiệu quả kinh doanh ở lĩnh vực kinh doanh chính bằng cách tận dụng mọi cơ hội để tăng doanh thu và đồng thời cắt giảm tối đa mọi chi phí, đồng thời phát triển kinh doanh dịch vụ Quản lý và Cung ứng lao động hàng hải nhằm góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động cho Công ty.

Như vậy, năm 2023, với sự nỗ lực, quyết tâm, tận dụng các cơ hội của thị trường và đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp, Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tổng doanh thu, và gần hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận đề ra (ảnh hưởng chung từ tình hình thị trường vận tải biển diễn biến khó lường, hàng hóa khan hiếm, cước vận tải biển giảm sâu dẫn đến doanh thu vận tải giảm).

Những tiến bộ Công ty đã đạt được.

- Thực hiện tốt công tác tái cơ cấu tài chính tại các ngân hàng VP Bank, ACB, Công ty đã được xóa nợ 571 tỷ đồng.

- Giám sát, quản lý thực hiện tốt đúng qui trình của Hệ thống quản lý an toàn và Lao động hàng hải, không tàu nào bị bắt lỗi nghiêm trọng liên quan đến MLC 2006 và thực hiện duy trì tình trạng PSC đội tàu ở mức đạt tiêu chuẩn, không bị lưu giữ.

- Bảo đảm tình trạng kỹ thuật của đội tàu, giảm định mức nhiên liệu để tăng hiệu quả khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời giảm các chi phí phát sinh liên quan.

- Ứng dụng CNTT vào công tác quản trị: triển khai hệ thống phần mềm quản lý tàu, gồm các chức năng chính như quản lý bảo quản, bảo dưỡng; quản lý tuân thủ các bộ luật; quản lý vật tư phụ tùng; quản lý thuyền viên trên tàu; công tác quản trị trên tàu.

- Tiếp tục vận dụng hệ thống quản trị BSC, KPIs và lương 3Ps, cải tiến và hiệu chỉnh các chỉ tiêu KPIs phù hợp với tình hình thực tế và tạo động lực cho người lao động.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản (Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất 2023 đã kiểm toán)

Tính đến ngày 31/12/2023, tổng tài sản của Công ty là 458 tỷ đồng, giảm 115 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn là 225 tỷ đồng, chiếm 49% tổng tài sản; giảm 21 tỷ đồng, tương đương giảm 8,4% so với thời điểm 31/12/2022.
- Tài sản dài hạn là 233 tỷ đồng, chiếm 51% tổng tài sản, giảm 94 tỷ đồng tương đương giảm 28,9% so với thời điểm 31/12/2022.

b) Tình hình nợ phải trả theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, đến ngày 31/12/2023, tổng nguồn vốn của Công ty là 558 tỷ đồng, gồm các khoản mục sau:

- Tổng nợ phải trả là 1.365 tỷ đồng, chiếm 297% tổng nguồn vốn, giảm 712 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022.
- Nợ ngắn hạn là 1.196 tỷ đồng, giảm 546 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2022.
- Nợ dài hạn là 168 tỷ đồng, giảm 166 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2022.
- Tổng nợ phải thu ngắn hạn là 154 tỷ đồng.

Các khoản nợ của Công ty chủ yếu là tập trung đầu tư vào việc hình thành phương tiện sản xuất kinh doanh là tàu biển. Công ty đã tăng cường công tác quản lý công nợ. Số nợ quá hạn đã giảm so với cùng kỳ năm trước. Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi, Công ty hạch toán theo dõi riêng từng khoản để có các hình thức xử lý hoặc trích lập dự phòng phù hợp.

* Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Nợ phải trả quá hạn: Nợ phải trả quá hạn sẽ ảnh hưởng đến khả năng quay vòng vốn và uy tín của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn quản lý, phân loại các khoản nợ để giảm số nợ quá hạn.

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá: là đơn vị có doanh thu gốc và công nợ gốc bằng ngoại tệ, nếu tỷ giá tăng sẽ làm phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá lớn cho Công ty.

Ảnh hưởng của lãi vay: Năm 2023, lũy kế số dư lãi vay của Công ty là 749 tỷ đồng, giảm gần 455 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty luôn bám sát và thực hiện theo Đề án tái cấu trúc giai đoạn 2020 – 2025, công tác tái cơ cấu tổ chức và nhân sự bước đầu đã đạt kết quả nhất định.

- Đối với tái cơ cấu tổ chức, đã tiếp tục rà soát, thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn:
- Đối với khối thuyền viên, Công ty đã đẩy mạnh việc rà soát, phân loại lực lượng lao động trực tiếp (thuyền viên), để thực hiện giải quyết chế độ chính sách đối với thuyền viên không đảm bảo sức khỏe, ý thức tổ chức kỷ luật kém, cũng như các trường hợp nghỉ hưu theo chế độ, nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân. Đồng thời tuyển dụng lao động để bổ sung cho số thuyền viên nghỉ hưu, nghỉ việc; tình hình lực lượng lao động là đội ngũ thuyền viên ổn định, không có biến động lớn. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ SQTV, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.
- Đối với khối văn phòng Công ty, số lượng CBNV giảm do nghỉ việc cân bằng số tuyển dụng bù vào, đầu năm 2023 là 56 người, đến nay giảm 1 còn 55 người.
- Đối với đội tàu Công ty 6 chiếc, số lượng định biên SQTV năm 2023 là 127 người, đến nay còn 5 tàu với định biên còn 106 người.
- Tiếp tục bố trí một số vị trí kiêm nhiệm cho Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

4.1 Tình hình kinh tế và giao thương thế giới:

Kinh tế thế giới năm 2024 được dự báo sẽ phục hồi yếu và sẽ đối mặt với nhiều rủi ro thách thức lớn do những diễn biến phức tạp sau thời kỳ Covid-19. Các rủi ro mới của kinh tế thế giới, trong đó chủ yếu là bất ổn địa chính trị và cạnh tranh giữa các nước lớn, tiếp tục tạo ra những thay đổi và tác động đến nền kinh tế toàn cầu trong trung và dài hạn.

Theo Báo cáo cập nhật tháng 01/2024 của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), GDP thế giới ước tính năm 2023 tăng trưởng 3,1 % và dự báo tăng trưởng 3,1% cho năm 2024 và 3,2% cho năm 2025 (thấp hơn mức bình quân 3,8% của giai đoạn năm 2010 ~2019). Tình hình thế giới có một số tín hiệu khả quan trong ngắn hạn, chẳng hạn lạm phát đang giảm nhanh hơn so với dự kiến, nhiều khả năng các nước sẽ xem xét nới lỏng các chính sách và tạo điều kiện cho kinh tế phát triển v.v... Tuy nhiên, thế giới hiện vẫn còn đối mặt với nhiều rủi ro như giá cả leo thang trong bối cảnh đang có nhiều cú sốc về địa chính trị và thời tiết cực đoan. Chiến sự ở Ukraine từ 24/02/2022 đến nay vẫn đang kéo dài và diễn ra phức tạp, ảnh hưởng xấu đến sự phục hồi kinh tế toàn cầu. Cuộc xung đột vũ trang ở dải Gaza bùng phát từ tháng 10/2023 và đang leo thang, có thể gây ảnh hưởng lan rộng hơn ra các khu vực. Các cuộc tấn công ở Biển Đỏ từ cuối năm 2023 đang gây rất nhiều trở ngại cho các tuyến hàng hải qua hàng lang này và qua kênh Suez. Ngoài các vấn đề về địa chính trị, thời tiết toàn cầu ngày càng cực đoan hơn như lũ lụt và hạn hán, các tác động của El Nino v.v.

Theo IMF (01/2024) tăng trưởng giao thương thế giới về hàng hoá và dịch vụ năm 2023 ước tính chỉ đạt khoảng 0,4%, thấp hơn con số dự báo 0,9% trong Dự báo hồi tháng 10/2023. Sự sụt giảm giao thương thế giới năm 2023 phản ánh bức tranh sụt giảm về nhu cầu toàn cầu và sự dịch chuyển sang tiêu dùng nội địa. IMF dự báo tăng trưởng giao thương thế giới năm 2024 và 2025 lần lượt là 3,3% và 3,6% (hạ dự báo lần lượt giảm 0,2% và 0,1% của năm 2024 và 2025 so với Dự báo hồi tháng 10/2023). Hai con số dự báo này đều thấp hơn mức bình quân 4,9% của giai đoạn năm 2000-2019.

Theo báo cáo của Clarksons Research ngày 01/03/2024, tăng trưởng sản lượng công nghiệp của Trung Quốc tháng 12/2023 là 6,8%; Ấn Độ 3,8%; Hàn Quốc 6,2%; Nhật âm -0,7%; Đài Loan âm -4%; Thái Lan âm -6,3%; Malaysia âm -0,1%. Tăng trưởng sản lượng công nghiệp bình quân của các quốc gia OECD tháng 11 và 12/2023 là âm -1,6% và âm -0,3%.

Trung Quốc mặc dù sản lượng công nghiệp có tăng nhờ ngành sản xuất và khoáng sản; tuy nhiên, nền kinh tế nước này đang đối mặt với khủng hoảng bất động sản, tỷ lệ thất nghiệp của giới trẻ tăng cao, trình trạng giảm phát, và chi tiêu thấp. Chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index-CPI) của Trung Quốc năm 2023 chỉ tăng 0,2%, thấp hơn con số mục tiêu 3%. CPI tháng 01/2024 giảm 0,8% so với cùng kỳ năm ngoái, đây là con số giảm lớn nhất kể từ tháng 09/2009. Citigroup dự báo CPI cả năm 2024 của Trung Quốc tăng khoảng 1,2% so với năm 2023. GDP Trung Quốc tăng trưởng năm 2023 là 5,2% đây là mức tăng trưởng thấp nhất kể từ năm 1990, không tính thời kỳ đại dịch COVID-19, dự kiến Trung Quốc đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2024 khoảng 5%. (nguồn tổng hợp: IMF, Clarksons Research, Reuters, National Bureau of Statistics of China, Xinhua News Agency, Vnexpress)

Tăng trưởng đội tàu hàng khô rời:

Theo tổng hợp số liệu của Clarksons Research ngày 01/03/2024, đội tàu hàng khô thế giới tăng trưởng năm 2023 là 3,1%, và dự báo năm 2024 tăng trưởng khoảng 3,4%. Phân khúc tàu handysize (10.000-40.000 DWT) tăng trưởng năm 2023 là 3,2%, và dự báo năm 2024 tăng trưởng khoảng 4,7%. Phân khúc tàu Handymax (40.-70.000 DWT)/Panamax (70.-100.000 DWT)/Capesize (100.000+ DWT) năm 2023 tăng trưởng lần lượt khoảng 3,4% / 3,4% / 2,5%; và dự báo năm 2024 tăng trưởng lần lượt khoảng 4,5%/ 4,1%/ 1,9%. Triển vọng tăng trưởng đội tàu trong thời gian tới vẫn còn tương đối cao.

Nhu cầu vận chuyển hàng khô rời đi bằng đường biển:

Theo số liệu của Clarksons Research (ngày 01/03/2024), lượng hàng khô rời đi bằng đường biển ước tính năm 2023 đạt khoảng 5.498 triệu tấn, tăng trưởng khoảng 3,7% so với năm 2022, dự đoán năm 2024 tăng trưởng chỉ vào khoảng 1,2%.

Theo dự báo của BIMCO (24/01/2024), nhu cầu vận chuyển hàng khô rời tăng trưởng năm 2024 vào khoảng dưới 1% và năm 2025 chỉ khoảng 0,5% ~1,5%. Con số dự báo mới này đã được hạ thấp đi khoảng 0,5% so với con số dự báo trước đó do quan sát thấy nhu cầu sẽ yếu hơn trong tương lai, đặc biệt là nhu cầu hàng than giảm khi mà sản lượng năng lượng điện tái tạo tăng lên, chủ yếu thuỷ điện. Các dự báo cho các loại hàng như sau:

Quặng sắt: sản lượng vận chuyển toàn cầu dự báo tăng trưởng khoảng 1,0%~2,0% cho năm 2024 và 2025, động lực chủ yếu là nhu cầu thép.

Than: sản lượng vận chuyển toàn cầu dự báo tăng trưởng âm khoảng -5% ~ -3% năm 2024, và -4% ~ -2% năm 2025. BIMCO đã hạ dự báo rất nhiều cho mặt hàng này so với dự báo trước đó. Cơ quan Năng Lượng Quốc tế (International Energy Agency-IEA) dự báo nhu cầu về than trong tương lai sẽ giảm.

Ngũ cốc: sản lượng vận chuyển toàn cầu dự báo tăng trưởng khoảng 1,5% ~ 2,5% năm 2024 và dưới 2% cho năm 2025.

Các hàng minor bulk khác (bauxite, đồng, nickel, xi măng, phân bón, sắt phế liệu …): dự kiến tăng trưởng khoảng 2~3% năm 2023 và 2024, và khoảng 3~5% năm 2025.

Dự báo thị trường: Dự kiến thị trường bình quân năm 2024 gần bằng và có phần yếu hơn năm 2023. Hai rủi ro chủ yếu có thể ảnh hưởng xấu đến thị trường là vấn đề khó khăn của nền kinh tế Trung Quốc và sự suy giảm nhu cầu về hàng than, như đã đề cập bên trên.

Dựa trên các yếu tố kinh tế chính trị, dự báo thị trường và năng lực của đội tàu, nguồn nhân lực của Công ty, Ban Lãnh đạo xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu chủ yếu được dự kiến như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1. Sản lượng vận chuyển	Tấn	1.137.200
2. Doanh thu các hoạt động	Triệu đồng	637.869
3. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	162.331

(*) Các chỉ tiêu trên chưa bao gồm kết quả từ hoạt động bất thường phát sinh ngoài kế hoạch

4.2 Các nhóm giải pháp thực hiện:

Trong điều kiện thị trường vận tải biển vẫn nhiều diễn biến khó lường, kế hoạch đặt ra như trên là thách thức đối với Công ty. Do vậy, để có thể đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra rất cần sự chung tay góp sức trong việc thực hiện tốt nhiệm vụ của từng cá nhân, từng bộ phận cũng như sự tăng cường quản lý của cả bộ máy, cụ thể như sau:

4.2.1 Giải pháp về thị trường và sản xuất kinh doanh:

- Bám sát diễn biến thị trường, nỗ lực tìm kiếm khách hàng để lựa chọn hình thức cho thuê tàu hoặc tự khai thác với giá cước phù hợp thị trường, ký hợp đồng có thời hạn hợp lý, tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.
- Bảo đảm tình trạng kỹ thuật của đội tàu, giảm định mức nhiên liệu để tăng hiệu quả khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời giảm các chi phí phát sinh liên quan (off hire, PSC…)
- Liên kết hợp tác môi giới khai thác tàu/hàng hoặc thuê tàu ngoài khai thác (nếu điều kiện tài chính cho phép).

4.2.2 Giải pháp về chính sách khách hàng:

- *Giải pháp về chính sách giá:* Xây dựng chính sách hợp tác linh hoạt để có thể có được sự hỗ trợ của khách hàng nếu công ty gặp khó khăn trong thời điểm nhất định. Công ty ưu tiên phục vụ các khách hàng truyền thống có tài chính lành mạnh; hợp tác trên tinh thần win-win cả đôi bên cùng hợp tác cùng có lợi; có chế độ khuyến mãi, điều chỉnh giá cước hợp lý nhằm hỗ trợ lẫn nhau khi thị trường đảo chiều v.v.

- *Giải pháp về công tác chăm sóc và phát triển khách hàng:* Tăng cường liên hệ, hợp tác với các đối tác ở các phân khúc thị trường khác nhau để có thể chọn hình thức khai thác tàu linh hoạt theo tình trạng kỹ thuật, tài chính của công ty. Mặc dù hiện tại Công ty vẫn lên kế hoạch khai thác đội tàu theo hình thức cho thuê định hạn, nhưng vẫn không quên duy trì liên lạc với các mối quan hệ khách hàng cũ (khai thác chuyến trước đây) để khi điều kiện cho phép Công ty lại quay lại hình thức khai khác chuyến hoặc thực hiện thuê tàu ngoài khai thác. Công ty ý thức việc phát triển thị trường song song với xây dựng mối quan hệ khách hàng càng nhiều càng tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi không những cho việc khai thác đội tàu Công ty mà còn tạo thuận lợi cho các dịch vụ mới trong tương lai (như thuê tàu ngoài khai thác, các dịch vụ quản lý khai thác tàu v.v.). Bên cạnh việc duy trì mối quan hệ với khách hàng cũ và chăm sóc khách hàng hiện tại, chúng tôi cũng cố gắng xây dựng mối quan hệ khách hàng mới.

4.2.3 Giải pháp về quản trị và đổi mới doanh nghiệp:

- Tiếp tục vận hành và cải tiến hệ thống BSC- KPI gắn với trả lương 3Ps.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng các phần mềm quản lý vào hoạt động quản trị, điều hành doanh nghiệp.

4.2.4 Giải pháp về tài chính và đầu tư:

- Quản lý dòng tiền: duy trì việc xây dựng và triển khai kế hoạch tài chính hàng tháng/năm; kiểm soát cân đối thu chi hàng tuần và đánh giá thực hiện hàng tháng; ưu tiên nguồn tiền phục vụ SXKD, tích lũy nguồn tiền trả nợ theo cam kết với ngân hàng và Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (DATC).

- Giải pháp tái cơ cấu nợ ngân hàng: Tiếp tục hợp tác với DATC để triển khai kế hoạch mua và xử lý tài chính đối với các khoản vay tại ngân hàng, kể cả khoản vay đóng tàu tại Ngân hàng phát triển Việt Nam.

- Đối với các dự án đầu tư: Rà soát lại các điều kiện thực hiện của đơn vị (về quy hoạch, cơ sở pháp lý, hợp đồng thuê đất, nguồn vốn đầu tư, …), tính toán kỹ lưỡng phương án đầu tư, đánh giá tính khả thi khi thực hiện phương án đồng thời xem xét thời điểm đầu tư phù hợp, đảm bảo hiệu quả, lập và báo cáo dự án đầu tư theo các quy định hiện hành.

4.2.5 Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Cử cán bộ chủ chốt tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức quản lý-điều hành, về chuyên môn-nghiệp vụ liên quan đến chức năng nhiệm vụ theo nhu cầu của đơn vị để nâng cao năng lực quản lý, chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục triển khai tốt quy chế đào tào và phát triển, vận hành hệ thống quản lý chiến lược BSC-KPIs gắn với trả lương 3Ps nhằm theo dõi, nâng cao kết quả hoạt động của doanh nghiệp cũng như các bộ phận với những mục tiêu mang tính chiến lược, là đòn bẩy thúc đẩy nhân viên làm việc tốt hơn.

- Xây dựng cơ chế để thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng, đặc biệt là đội ngũ sĩ quan thuyền viên.

4.2.6 Giải pháp về Công nghệ - Kỹ thuật:

- Thực hiện chuyển đổi số tại Công ty:

+ Tiếp tục triển khai và hoàn thiện các phần mềm: Văn phòng điện tử (e-office), Quản lý Vật tư Phụ tùng tàu (VMM -Vessel Material Management).

+ Số hóa văn bản, tài liệu, chứng từ phục vụ dữ liệu đầu vào các hệ thống e-office, VMM, BSC-KPI.

- Tăng cường an ninh mạng tàu và bờ:

+ Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng, tường lửa, hệ phòng chống virus.

+ Duy trì, nâng cấp, triển khai an ninh mạng đội tàu Cty.

4.2.7 Giải pháp ứng phó rủi ro:

- Tăng cường công tác quản lý an toàn, kỹ thuật, thuyền viên cho đội tàu nhằm giảm thiểu sự cố, lưu giữ khi PSC, ngày offhire … Có biện pháp thực tế để kiểm soát chặt chẽ chi phí và định mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhờn đảm bảo theo đúng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã xây dựng trong kế hoạch sản xuất kinh doanh của đội tàu.

- Tăng chế độ đãi ngộ để giữ chân các thuyền viên có năng lực để đào tạo và bổ sung cho lượng thiếu hụt thuyền viên.

- Lên phương án thay thế thuyền viên khi điều kiện cho phép, kết hợp với lịch khai thác của tàu để tiết kiệm chi phí, chẳng hạn như các cảng thuận tiện ở nước ngoài mà chi phí thay thuyền viên thấp hoặc tàu ghé cảng Việt Nam để xếp, dỡ hàng hóa.

- Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo về chuyên môn cho SQTV. Thường xuyên nhắc nhở tàu chuẩn bị tốt về mọi mặt để phục vụ cho việc kiểm tra của PSC (nếu có), nhắc tàu tổ chức phục vụ và tiếp đón PSCO thân thiện, chuyên nghiệp và hợp tác, tránh việc tỏ thái độ căng thẳng, trong giao tiếp với PSCO.

- Hướng dẫn công tác kiểm tra các thiết bị thiết yếu và khắc phục kịp thời nếu phát hiện không phù hợp theo định kỳ hoặc trước khi đến cảng.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá nội bộ tàu khi có điều kiện. Thường xuyên nhắc nhở SQTV tuân thủ đầy đủ HTQLAT. Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo về chuyên môn cho SQTV.

- Lưu hồ sơ, xem xét hình thức kỷ luật và có thể không sử dụng các thuyền viên này nữa; Có biện pháp răn đe hữu hiệu nếu thuyền viên vi phạm kỷ luật.

- Thông báo, cảnh báo và nhắc nhở tàu tăng cường các biện pháp an ninh khi tàu đi ngang hoặc ghé vào các cảng hoặc vùng nước có rủi ro an ninh cao. Tuân thủ các khuyến cáo, hướng dẫn của các tổ chức, cơ quan hữu quan liên quan.

- Tăng cường theo dõi chặt chẽ các bản tin thời tiết, đưa ra các khuyến cáo kịp thời để hỗ trợ cho tàu.

- Tăng cường kiểm soát phòng ngừa các sự cố xảy ra trên đội tàu

- Tổ chức phân công nhân sự hợp lý để hỗ trợ tàu thông suốt, kịp thời.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: *Xem Giải trình và Báo cáo tài chính kiểm toán đính kèm.*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Đối với đội tàu, Công ty đã nỗ lực áp dụng các chính sách để đảm bảo giảm thiểu lượng phát thải khí ra môi trường, đã thực hiện cung cấp cho đội tàu các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp theo tiêu chuẩn và quy định IMO. Đối với khối văn phòng, việc sử dụng điện, nước được cân đối phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả. Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý nước thải và không vi phạm các quy định về xử lý nước thải.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chính sách, quy định liên quan về người lao động. Người lao động được hưởng đầy đủ quyền lợi hợp pháp, chính đáng theo quy định của pháp luật.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Hiểu rõ vai trò quan trọng cũng như lợi ích từ việc thực hiện trách nhiệm xã hội, trách nhiệm với cộng đồng, địa phương mang lại nên Công ty đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xã hội của mình đối với cộng đồng và địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong bối cảnh thị trường giảm thấp hơn kịch bản xây dựng kế hoạch, nhưng nhờ vào sự chỉ đạo sát sao và hoạch định chiến lược đúng đắn của Ban lãnh đạo Công ty, cùng với sự đoàn kết, cố gắng, quyết tâm của tập thể người lao động, Công ty đã bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, suôn sẻ, nhất là thực hiện thành công tái cơ cấu tài chính với các tổ chức tín dụng thương mại và bán thành công tàu VTC Sun vào cuối tháng 10/2023 dẫn đến kết quả kinh doanh toàn công ty năm 2023 lãi hơn 560 tỷ đồng, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

1.1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023	TH 2023	TH 2023/ KH 2023
1. Sản lượng vận chuyển	Triệu Tấn	1,243	1,243	100%
2. Tổng doanh thu (*)	Tỷ VND	597,02	1.100,93	184%
3. Lãi (+)/Lỗ (-)	Tỷ VND	633,96	560,42	88%

(*) Ghi chú: *Tổng doanh thu KH 2023 không bao gồm thu từ tái cơ cấu tài chính.*

1.2. Tình hình đầu tư, thanh lý tài sản:

Công ty đã hoàn thành bán tàu VTC Sun với kết quả tốt hơn ước tính tại Dự án bán tàu được phê duyệt, đáp ứng được mục tiêu tái cơ cấu tài chính.

Công ty đang triển khai thủ tục xin điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng tại khu đất 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4 để hoàn thiện cơ sở pháp lý thực hiện Dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc kết hợp văn phòng cho thuê tại khu đất trên theo đúng quy hoạch đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố phê duyệt.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

HĐQT đã chỉ đạo, định hướng công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong hoạt động kinh doanh, trong công tác tái cơ cấu tài chính, góp phần từng bước cải thiện tình hình tài chính Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã chủ động báo cáo, xin ý kiến phê duyệt của HĐQT khi có phát sinh vướng mắc trong hoạt động điều hành để có các giải pháp kịp thời; đồng thời rất nỗ lực trong quá trình chỉ đạo bộ máy tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023, triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao, phân tích lựa chọn, đàm phán, quyết định ký kết các hợp đồng và thời hạn phù hợp để tối ưu hiệu quả kinh doanh; Bảo đảm tình trạng kỹ thuật của đội tàu, giảm định mức nhiên liệu để tăng hiệu quả khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời giảm các chi phí phát sinh liên quan (off hire, PSC…). Từ đó những kết quả đạt được vượt mức trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh góp phần tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. Hội đồng quản trị đánh giá rất cao sự chủ động, sáng tạo và quyết tâm của

Ban Tổng giám đốc, cũng như tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc sẽ góp phần giữ được sự ổn định hoạt động kinh doanh, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn, vì các khủng hoảng cục bộ khu vực mà nổi bật là xung đột Nga – Ukraina, Hamas – Israel ở dải Gaza, và gần đây nổi lên thêm các cuộc tấn công trên Biển Đỏ.

HĐQT đánh giá Ban Tổng giám đốc nói chung và các thành viên nói riêng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2023, trong đó Tổng giám đốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT:

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai văn hóa "Lấy khách hàng làm trung tâm"; duy trì khách hàng hiện hữu, phát triển thêm khách hàng mới.

- Tiếp tục rà soát và hoàn chỉnh đồng bộ các quy chế, quy trình để bám sát các yêu cầu và nguyên tắc quản trị.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện và thực hiện Đề án tái cấu trúc Công ty; tiếp tục hợp tác với DATC thực hiện xử lý tài chính đối với các khoản vay đóng tàu tại VDB, MSB.

- Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp theo Đề án duy trì, phát triển lực lượng sĩ quan thuyền viên trong tình hình mới.

- Liên tục cập nhật thông tin, xu hướng thị trường để nắm bắt và vận dụng tối đa cơ hội thị trường, thực hiện linh hoạt các phương án kinh doanh, khai thác tàu nhằm đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất.

- Cập nhật, bổ sung hệ thống quy trình chuẩn, các định mức kinh tế - kỹ thuật và kiểm tra, kiểm soát chi phí theo các định mức đã xây dựng. Thực hiện quản lý chi phí hiệu quả trong quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh.

- Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số: Tiếp tục thực hiện Đề án chuyển đổi số đã được HĐQT phê duyệt; Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh: chăm sóc khách hàng, quản lý nhân sự (tuyển chọn, đào tạo, đánh giá, trả lương).

- Tiếp tục đẩy mạnh tinh thần Kaizen cải tiến liên tục tiến tới xây dựng thành văn hóa Công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động; thúc đẩy tinh thần sáng tạo tích cực đóng góp sáng kiến trong toàn Công ty.

- Đẩy mạnh việc huấn luyện, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng đến chế độ đãi ngộ để tạo động lực cho người lao động.

- Xem cán bộ chủ chốt là nòng cốt để chú trọng đưa vào tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức quản lý, điều hành để nâng cao năng lực quản lý tại đơn vị.

- Duy trì và đảm bảo thực hiện việc công bố thông tin đúng theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh 2024 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, theo sát diễn biến của nền kinh tế và thị trường vận tải.

- Tập trung nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đề ra theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Xây dựng và phát triển văn hóa Công ty, trách nhiệm với cộng đồng. Tiếp tục việc truyền thông và thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử và các chương trình an sinh – xã hội.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (tại ngày 31/12/2023)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch HĐQT	Đại điện: 11.128.186 Cá nhân: 96.962	16,61% 0,145%
2	Trịnh Hữu Lương	Thành viên HĐQT	Đại điện: 9.379.907	14%
3	Mai Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT	8.002	0,01%
4	Lê Duy Dương	Thành viên HĐQT	Đại điện: 9.379.907	14%
5	Nguyễn Hoàng Sang	Thành viên HĐQT	4.000	0,006%

Chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

- Ônh Huỳnh Nam Anh: Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng.
- Ông Trịnh Hữu Lương: Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý thuyền viên SCC.
- Ông Lê Duy Dương: Trưởng Ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP
- Ông Nguyễn Hoàng Sang: Giám đốc Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không thành lập các tiểu ban.

c. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị công ty đã ban hành 42 nghị quyết và quyết định liên quan đến tất cả các hoạt động công tác tổ chức, nhân sự, sản xuất kinh doanh, đầu tư v.v. Các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

Số	NGÀY	NỘI DUNG
01/NQ-HĐQT	11/01/2023	NQ phiên họp ngày 11 tháng 1 năm 2023
02/NQ-HĐQT	11/01/2023	NQ Chương trình hành động năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
03/QĐ-HĐQT	11/01/2023	QĐ khen thưởng Tập thể cá nhân có thành tích đột xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao
04/QĐ-HĐQT	02/02/2023	QĐ thành lập Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2023
05/NQ-HĐQT	14/02/2023	Nghị quyết về việc Đăng ký tăng vốn điều lệ, điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung
06/NQ-HĐQT	28/02/2023	Nghị quyết về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
07/QĐ-HĐQT	04/03/2023	QĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty TNHH QLTB Hải Đăng
08/QĐ-HĐQT	04/03/2023	QĐ phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCCM
09/NQ-HĐQT	11/04/2023	Nghị quyết phiên họp ngày 11 tháng 4 năm 2023
10/QĐ-HĐQT	18/04/2023	QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài

Số	NGÀY	NỘI DUNG
11/NQ-HĐQT	19/04/2023	Nghị quyết về việc giới thiệu nhân sự ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028
12/NQ-HĐQT	21/04/2023	Nghị quyết bầu Chủ tịch HĐQT trị nhiệm kỳ 2023 -2028
13/QĐ-HĐQT	15/05/2023	QĐ phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị
14/QĐ-HĐQT	18/05/2023	QĐ ban hành quy chế về công tác cán bộ của Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
15/QĐ-HĐQT	12/06/2023	QĐ phê duyệt chủ trương bán tàu VTC Sun
16/QĐ-HĐQT	12/06/2023	QĐ thành lập hội đồng thanh lý, nhượng bán tàu VTC Sun
17/NQ-HĐQT	12/06/2023	QĐ bổ sung thêm Người đại diện theo pháp luật và sửa đổi điều lệ Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCCM
18/QĐ-HĐQT	12/06/2023	QĐ bổ sung thêm Người đại diện theo pháp luật và sửa đổi điều lệ Công ty TNHH QLTB Hải Đăng
19/QĐ-HĐQT	21/06/2023	Quyết định phê duyệt dự án bán tàu VTC Sun
20/NQ-HĐQT	07/07/2023	Nghị quyết phiên họp ngày 07/07/2023
21/QĐ-HĐQT	07/07/2023	QĐ thôi giao nhiệm vụ đại diện vốn của Vitranschart tại Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận (Ông Huỳnh Nam Anh)
22/QĐ-HĐQT	07/07/2023	QĐ giao nhiệm vụ đại diện vốn của Vitranschart tại Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận (Bà Mai Thị Thu Vân)
23/QĐ-HĐQT	14/07/2023	QĐ thay đổi người Đại diện theo Pháp luật Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC
24/NQ-HĐQT	24/07/2023	Nghị quyết phê duyệt chủ chương bổ nhiệm giám đốc Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC
25/QĐ-HĐQT	02/08/2023	QĐ hủy bỏ quyết định số 21/QĐ-HĐQT và 22/QĐ-HĐQT
26/QĐ-HĐQT	02/08/2023	QĐ thôi giao nhiệm vụ đại diện vốn của Vitranschart tại Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận (Ông Huỳnh Nam Anh)
27/QĐ-HĐQT	02/08/2023	QĐ giao nhiệm vụ đại diện vốn của Vitranschart tại Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận (Bà Mai Thị Thu Vân)
28/QĐ-HĐQT	15/08/2023	QĐ thay đổi người Đại diện theo Pháp luật Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC
29/QĐ-HĐQT	02/10/2023	QĐ cử cán bộ đi công tác nước ngoài
30/QĐ-HĐQT	04/10/2023	QĐ điều chỉnh giá bán tàu VTC Sun
31/QĐ-HĐQT	05/10/2023	QĐ bán tàu VTC Sun
32/NQ-HĐQT	10/10/2023	Nghị quyết phiên họp ngày 10 tháng 10 năm 2023
33/NQ-HĐQT	10/10/2023	Nghị quyết Công tác cán bộ
34/QĐ-HĐQT	10/10/2023	QĐ tạm phân phối lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2023 của Công ty TNHH CUTV SCC (SCCM)
35/NQ-HĐQT	06/11/2023	Nghị quyết về việc chủ trương nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNNHH Cung ứng thuyền viên SCC
36/QĐ-HĐQT	06/11/2023	QĐ thành lập Tổ tư vấn chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC
37/NQ-HĐQT	06/11/2023	Nghị quyết thông qua phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Cty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC
38/QĐ-HĐQT	09/11/2023	QĐ chấp nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty SCCM

Số	NGÀY	NỘI DUNG
39QĐ-HĐQT	30/11/2023	QĐ ban hành Quy chế Quản lý nợ của Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
40/QD-HĐQT	22/12/2023	QĐ v/v phê duyệt quỹ TL và TN 2023, tạm giao quỹ TL và TN 2024
41/NQ-HĐQT	25/12/2023	Nghị quyết về chủ trương góp vốn vào SCCM
42/NQ-HĐQT	25/12/2023	QĐ v/v góp vốn vào SCCM

d. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ônh Huỳnh Nam Anh: Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Ông Trịnh Hữu Lương: Thành viên HĐQT Công ty.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Trong năm 2023, các TV HĐQT, BTGĐ, BKS và các cán bộ chủ chốt của Công ty đã tham gia các chương trình về quản trị công ty qua hình thức online, và các khóa học E-learning do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP tổ chức:

- Hội nghị lưu ý về các sai phạm liên quan đến tính tuân thủ pháp luật chứng khoán phát hiện qua quá trình kiểm tra, giám sát; các sai sót trong lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty đại chúng, công ty niêm yết.
- Hội nghị trực tuyến phổ biến các sai sót trong lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty đại chúng, công ty niêm yết.
- Xây dựng đội nhóm làm việc hiệu quả, quản trị trải nghiệm khách hàng, kỹ năng phản hồi thông minh nơi công sở, …
- Đào tạo nghiệp vụ tài chính kế toán theo chuẩn mực quốc tế. Đào tạo nghiệp vụ liên quan đến quản trị Công ty như: Tư duy sáng tạo/ Kaizen/ Hành trình dẫn dắt nhân viên/Kỹ năng làm việc nhóm/ Đánh giá kết quả công việc (Chương trình nhân tài).

2. Ban kiểm soát

a. Danh sách các thành viên Ban kiểm soát (tính tại ngày 31/12/2023)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Vũ Thị Diệp	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%
3	Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên Ban kiểm soát	17.285	0,026%

** Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.*

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành tuân thủ Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị Công ty:

+ Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023; bán thanh lý tài sản là tàu biển; chi trả tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS; lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2023; …

+ Giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị thông qua việc ban hành các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị; tham dự và đóng góp ý kiến đối với các nội dung tại cuộc họp của Hội đồng quản trị; …

- Giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Kiểm soát đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị để giám sát công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc. Ban Kiểm soát thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ và đột xuất để có ý kiến đóng góp đối với Công ty.

- Thẩm định, đánh giá Báo cáo tài chính:

Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, sự phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

- Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định, Ban Kiểm soát đã thực hiện báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 về kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2022.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát duy trì tốt mối quan hệ công tác và phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát và báo cáo khác khi được yêu cầu.

- Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2023:

Stt	Ngày họp	Nội dung	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	8/03/2023	Thực hiện kiểm tra, giám sát và thông qua Báo cáo kiểm tra, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp kỳ thực hiện năm 2022.	100%	100%
2	30/03/2023	Thống nhất Báo cáo của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.	100%	100%
3	26/07/2023	Thực hiện kiểm tra, giám sát và thông qua Báo cáo kiểm tra, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp kỳ thực hiện 06 tháng đầu năm 2023.	100%	100%
4	26/12/2023	Tổng kết kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2023 và thống nhất kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát	100%	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban TGĐ:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, các thành viên Hội đồng quản trị khác và các thành viên Ban kiểm soát của Công ty làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Thù lao không chuyên trách hàng năm được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch và quyết toán mức thù lao của năm trước. Tại thời điểm báo cáo, mức thù lao không chuyên trách đối với thành viên HĐQT, BKS như sau:

+ Phó Chủ tịch HĐQT: 4,5 triệu đồng/tháng;
+ Thành viên HĐQT: 4 triệu đồng/người/tháng.
+ Trưởng BKS: 4 triệu đồng/tháng;
+ Thành viên BKS: 3 triệu đồng/người/tháng.

- Tổng lương, thưởng của Chủ tịch HĐQT trong năm 2023 là 594 triệu đồng.
- Tổng lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc (3 người) trong năm 2023 là 1,450 tỷ đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Chủ tịch Công đoàn là thành viên HĐQT Công ty) đã bán 144.900 cổ phần VST từ 01/01/2023 – 31/12/2023.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 07/04/2022 về việc giao dịch với người có liên quan, Công ty đã ký kết Hợp đồng cho thuê tàu trần - Hợp đồng quản lý tàu VTC Ocean với bên liên quan là Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng (Công ty con, tỷ lệ góp vốn 100%), tổng giá trị giao dịch năm 2023: 5,7 tỷ đồng; Và ký kết hợp đồng thuê thuyền viên - Hợp đồng thuê trang thiết bị văn phòng với Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (Công ty con, tỷ lệ góp vốn 100%), tổng giá trị giao dịch năm 2023: 11,8 tỷ đồng.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định để trao đổi, phân tích, đi đến quyết định thống nhất các thành viên, chỉ đạo kịp thời các công việc phát sinh.
- Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán, Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm)
2. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (đính kèm)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Hữu Lương

Nơi nhận:
- UBCKNN
- Sơ GDCK Hà Nội
- Lưu TK

aasc
since 1991

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)

HLB WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 01 tháng 03 năm 2023 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch	
Ông	Trịnh Hữu Lương	Ủy viên	
Bà	Mai Thị Thu Vân	Ủy viên	
Ông	Lê Duy Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/04/2023
Ông	Nguyễn Hoàng Sang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/04/2023
Ông	Nguyễn Thanh Ngọc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/04/2023
Ông	Trần Trung Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc
Bà	Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Vũ Thị Diệp	Trưởng ban	
Bà	Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên	
Bà	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/04/2023
Bà	Trần Thị Thu Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/04/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Số: 290224.005/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được lập ngày 27 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 970 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 1.592 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu âm 905 tỷ đồng. Đồng thời tại thuyết minh số 20 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán 279 tỷ đồng. Tại thuyết minh số 17- Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 749 tỷ đồng. Công ty đã có phương án tái cơ cấu tài chính để khắc phục khả năng thanh khoản cũng như tìm kiếm được nguồn tiền để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng tới nhưng chưa xác định được tính hiệu quả. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2. Căn cứ theo Biên bản "Xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam" ngày 17 tháng 01 năm 2023 Công ty đang ghi nhận thiếu chi phí phạt chậm trả là 29,306 tỷ đồng. Việc ghi nhận thiếu khoản phạt chậm trả khiến chỉ tiêu Chi phí phải trả ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/12/2023 đang phản ánh thiếu cùng số tiền 29,306 tỷ đồng, đồng thời cũng khiến cho chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/12/2023 đang phản ánh thừa cùng số tiền 29,306 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biển	**Ngô Hoàng Hà**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2023-002-1	Số: 3999-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**225.560.235.350**	**246.240.021.787**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**29.266.281.987**	**34.476.381.562**
111	1. Tiền		29.266.281.987	34.476.381.562
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**154.023.112.395**	**146.118.420.938**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.431.710.576	2.979.843.500
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	840.799.009	2.435.698.362
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	160.948.640.936	149.900.917.202
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.198.038.126)	(9.198.038.126)
140	**IV. Hàng tồn kho**	9	**30.709.440.421**	**42.327.246.971**
141	1. Hàng tồn kho		30.709.440.421	42.327.246.971
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**11.561.400.547**	**23.317.972.316**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.374.477.248	3.042.654.260
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9.045.218.310	20.141.497.946
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	141.704.989	133.820.110
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**233.259.823.595**	**327.896.621.950**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**23.249.186.422**	**23.249.154.521**
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	23.249.186.422	23.249.154.521
220	**II. Tài sản cố định**		**180.654.828.605**	**263.642.269.151**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	180.412.277.159	263.512.350.612
222	- *Nguyên giá*		*1.355.539.741.760*	*1.849.301.098.124*
223	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(1.175.127.464.601)*	*(1.585.788.747.512)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	242.551.446	129.918.539
228	- *Nguyên giá*		*7.580.995.096*	*7.410.095.096*
229	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(7.338.443.650)*	*(7.280.176.557)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	10	**625.985.288**	**1.043.606.288**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		625.985.288	1.043.606.288
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	4	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**26.729.823.280**	**37.961.591.990**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	26.729.823.280	37.961.591.990
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**458.820.058.945**	**574.136.643.737**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**1.364.519.347.786**	**2.076.366.296.869**
310	**I.**	**Nợ ngắn hạn**		**1.196.465.385.409**	**1.742.251.282.743**
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	14	12.541.539.495	18.169.947.092
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	16.385.948.733	23.008.263.753
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	966.081.065	991.527.176
314	4.	Phải trả người lao động		35.940.152.730	38.919.787.314
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	754.688.358.682	1.227.442.488.901
318	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	5.020.152.205	1.921.581.103
319	7.	Phải trả ngắn hạn khác	19	29.475.869.654	31.425.261.362
320	8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	339.379.820.692	398.925.068.777
322	9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.067.462.153	1.447.357.265
330	**II.**	**Nợ dài hạn**		**168.053.962.377**	**334.115.014.126**
337	1.	Phải trả dài hạn khác	19	8.404.589.178	8.404.589.178
338	2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	159.649.373.199	325.710.424.948
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**(905.699.288.841)**	**(1.502.229.653.132)**
410	**I.**	**Vốn chủ sở hữu**	**21**	**(905.699.288.841)**	**(1.502.229.653.132)**
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		669.993.370.000	629.993.370.000
411a		*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*669.993.370.000*	*629.993.370.000*
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		88.258.000	88.258.000
418	3.	Quỹ đầu tư phát triển		11.731.245.480	11.199.638.880
420	4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.840.727.077	4.840.727.077
421	5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.592.352.889.398)	(2.148.351.647.089)
421a		*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*(2.149.500.139.436)*	*(2.362.891.461.220)*
421b		*LNST chưa phân phối năm nay*		*557.147.250.038*	*214.539.814.131*
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**458.820.058.945**	**574.136.643.737**

Lê Kim Phượng	Mai Thị Thu Vân	Trịnh Hữu Lương
Người lập, Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	23	**437.666.578.753**	**778.028.722.221**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**437.666.578.753**	**778.028.722.221**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	24	**445.786.982.439**	**543.766.009.268**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**(8.120.403.686)**	**234.262.712.953**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	7.175.019.027	18.115.878.663
22	7. Chi phí tài chính	26	50.429.555.474	94.126.892.722
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*43.475.407.392*	*65.537.829.401*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	27	5.592.023.058	12.334.756.586
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	30.874.558.244	28.887.984.044
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(87.841.521.435)**	**117.028.958.264**
31	12. Thu nhập khác	29	656.087.600.507	162.137.345.989
32	13. Chi phí khác	30	7.827.305.919	61.717.353.217
40	**14. Lợi nhuận khác**		**648.260.294.588**	**100.419.992.772**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**560.418.773.153**	**217.448.951.036**
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	2.598.368.778	2.909.136.905
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**557.820.404.375**	**214.539.814.131**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ**		**557.820.404.375**	**214.539.814.131**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát**		-	-
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	32	**8.379**	**3.405**

Lê Kim Phượng	**Mai Thị Thu Vân**	**Trịnh Hữu Lương**
Người lập, Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	*1. Lợi nhuận trước thuế*		***560.418.773.153***	***217.448.951.036***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		82.478.896.893	137.340.490.540
03	- Các khoản dự phòng		-	(1.208.068.467)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		23.070.195	(332.685.157)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(90.157.176.974)	(64.353.705.531)
06	- Chi phí lãi vay		46.139.593.170	65.537.829.401
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(570.817.021.456)	-
08	*3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		***28.086.134.981***	***354.432.811.822***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.566.954.727	(57.398.597.980)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		11.617.806.550	(2.882.870.874)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(31.864.028.092)	13.643.045.672
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		25.096.575.597	38.653.900.984
14	- Tiền lãi vay đã trả		(16.053.279.554)	(28.366.868.547)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.627.601.952)	(2.630.715.484)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.024.641.669)	(546.310.000)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***16.797.920.588***	***314.904.395.593***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.563.502.293)	(54.837.899.755)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		87.995.067.862	82.916.570.899
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(30.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.455.146.183	4.997.495.699
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***77.886.711.752***	***33.076.166.843***
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		20.000.000.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(119.824.134.193)	(332.460.244.340)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(99.824.134.193)***	***(332.460.244.340)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(5.139.501.853)**	**15.520.318.096**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**34.476.381.562**	**19.409.760.141**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(70.597.722)	(453.696.675)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**29.266.281.987**	**34.476.381.562**

Lê Kim Phượng	**Mai Thị Thu Vân**	**Trịnh Hữu Lương**
Người lập, Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 01 tháng 03 năm 2023 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 669.993.370.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 669.993.370.000 đồng; tương đương 66.999.337 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 655 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 700 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa, kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế, dịch vụ tiếp vận, dịch vụ khai thuê hải quan, cho thuê kho bãi, container, dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới thuê tàu biển, cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại thời điểm 31/12/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 970 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 1.592 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu âm 905 tỷ đồng. Đồng thời tại thuyết minh số 20 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán lên tới 279 tỷ đồng. Tại thuyết minh số 17- Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 749 tỷ đồng. Công ty đang phấn đấu giảm lỗ tối đa và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp phần lỗ, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng. Hiện tại, bên cạnh việc thực hiện các giải pháp về kinh doanh - thị trường để gia tăng lợi nhuận, Công ty cũng đã đạt thỏa thuận tái cơ cấu tài chính với các ngân hàng và dự kiến được miễn giảm nghĩa vụ trả nợ trong năm 2024-2025 với số tiền hơn 530 tỷ đồng, chưa kể đội tàu 5 chiếc hiện đã hết khấu hao nhưng giá trị thị trường đủ khả năng trả nợ vay. Cụ thể: khoản nợ của Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Chợ Lớn theo Biên bản xác nhận và chuyển giao khoản nợ ký ngày 20/12/2022, khoản nợ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo Biên bản xác nhận và chuyển giao khoản nợ ký ngày 17/01/2023, khoản nợ của Ngân hàng Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB) được xử lý theo Nghị định 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 32/2017/NĐ-CP ngày 31/03/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước. Với căn cứ pháp lý như trên, Công ty có đủ cơ sở giả định hoạt động liên tục trong thời gian tới.

Trong năm, do ảnh hưởng của thị trường vận tải biển quốc tế, giá cước vận tải biển giảm mạnh, trung bình từ 18 nghìn USD/ngày xuống còn 3,1 nghìn USD/ngày. Do đó doanh thu Công ty giảm 43,69% kéo theo lợi nhuận gộp giảm 103,04%.

Cấu trúc Tập đoàn

- **Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xuất khẩu lao động, cung ứng thuyền viên
Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Vận tải biển

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc: Công ty sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 30 tháng theo chu kỳ lên đà sửa chữa của các tàu.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 36 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, tiền lương thuyền viên,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tàu biển và dịch vụ vận tải.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái...;
- Chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	18.327.000	371.959.000
Tiền gửi ngân hàng (*)	29.247.954.987	34.104.422.562
- Tiền Việt Nam	*7.134.172.940*	*12.090.872.608*
- Ngoại tệ	*22.113.782.047*	*22.013.549.954*
	29.266.281.987	**34.476.381.562**

(*) Gồm tiền lương tháng 12/2023 chưa thanh toán và các khoản khác phải trả người lao động.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
	2.000.000.000	**-**	**2.000.000.000**	**-**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	Tp Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản cho thuê

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Evergreen Marine Corporation	322.906.984	-	2.406.791.233	-
Daiichi chuo naiko kaisha	45.397.056	-	542.284.032	-
Vinabridge Shipping Co.,Limited	897.686.625	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	165.719.911	-	30.768.235	-
	1.431.710.576	**-**	**2.979.843.500**	**-**

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hua Shippiing & Trading Group	-	-	230.875.300	-
Global Cargo and Commodities Ltd	-	-	124.656.628	-
Trả trước cho người bán khác	840.799.009	-	2.080.166.434	-
	840.799.009	**-**	**2.435.698.362**	**-**

7 . PHẢI THU KHÁC

		31/12/2023		01/01/2023	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a)	**Ngắn hạn**				
a.1)	***Chi tiết theo nội dung***				
	Tạm ứng	6.993.424.180	-	6.864.287.087	-
	Ký cược, ký quỹ	140.016.500.000	-	128.060.453.120	-
	Khoản tiền hỗ trợ sửa chữa tàu Vinashin Eagle	9.033.915.535	(9.033.915.535)	9.033.915.535	(9.033.915.535)
	Phải thu khác	4.904.801.221	(164.122.591)	5.942.261.460	(164.122.591)
		160.948.640.936	**(9.198.038.126)**	**149.900.917.202**	**(9.198.038.126)**

		31/12/2023		01/01/2023	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a.2)	***Chi tiết theo đối tượng***				
	Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	9.033.915.535	(9.033.915.535)	9.033.915.535	(9.033.915.535)
	Ngân hàng TMCP Phương Đông	48.000.000.000	-	99.000.000.000	-
	Ngân hàng TMCP An Bình	81.000.000.000	-	-	-
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11.000.000.000	-	29.000.000.000	-
	First Marine Service Co., Ltd	185.830.557	-	-	-
	Daiichi Chuo Naiko Kaisha	1.193.656.055	-	-	-
	Phải thu các đối tượng khác	10.535.238.789	(164.122.591)	12.867.001.667	(164.122.591)
		160.948.640.936	**(9.198.038.126)**	**149.900.917.202**	**(9.198.038.126)**
b)	**Dài hạn**				
b.1)	***Chi tiết theo nội dung***				
	Ký cược, ký quỹ	23.249.186.422	-	23.249.154.521	-
		23.249.186.422	**-**	**23.249.154.521**	**-**
b.2)	***Chi tiết theo đối tượng***				
	Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster	19.194.686.422	-	19.249.154.521	-
	Phải thu khác	4.054.500.000	-	4.000.000.000	-
		23.249.186.422	**-**	**23.249.154.521**	**-**

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin (Vinashinlines)	9.033.915.535	-	9.033.915.535	-
- Các khoản khác	164.122.591	-	164.122.591	-
	9.198.038.126	**-**	**9.198.038.126**	**-**

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.902.144.540	-	30.745.630.039	-
Công cụ, dụng cụ	5.807.295.881	-	11.581.616.932	-
	30.709.440.421	**-**	**42.327.246.971**	**-**

10 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	**625.985.288**	**1.043.606.288**
- Dự án xây dựng tòa nhà văn phòng Khu I số 428 Nguyễn Tất Thành (*)	625.985.288	625.985.288
- Dự án Phần mềm	-	100.000.000
- Nâng cấp hệ thống SAP	-	317.621.000
	625.985.288	**1.043.606.288**

(*) Khu đất 428 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 2 khu đất. Trong đó Khu I với diện tích 1.053,8 m2 đang được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty thuê (thuê đất trả tiền hàng năm) và sử dụng làm trụ sở làm việc. Khu II với diện tích 2.164,9 m2 đang thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận thực hiện triển khai dự án Căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ.

Trên diện tích đất của Công ty đang quản lý sử dụng Công ty đã có dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc tại Khu số I số 428 Nguyễn Tất Thành. Dự án đầu tư đang được tiếp tục nghiên cứu triển khai và đưa vào kế hoạch thực hiện đầu tư dự án hàng năm của Công ty.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.191.134.400	9.601.062.613	1.824.501.119.203	7.007.781.908	1.849.301.098.124
- Mua trong năm	-	-	-	38.228.636	38.228.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.730.910.000)	(490.068.675.000)	-	(493.799.585.000)
Số dư cuối năm	**8.191.134.400**	**5.870.152.613**	**1.334.432.444.203**	**7.046.010.544**	**1.355.539.741.760**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.191.134.400	6.447.101.684	1.565.011.024.297	6.139.487.131	1.585.788.747.512
- Khấu hao trong năm	-	1.952.523.561	80.087.232.418	380.873.821	82.420.629.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.013.237.711)	(490.068.675.000)	-	(493.081.912.711)
Số dư cuối năm	**8.191.134.400**	**5.386.387.534**	**1.155.029.581.715**	**6.520.360.952**	**1.175.127.464.601**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	3.153.960.929	259.490.094.906	868.294.777	263.512.350.612
Tại ngày cuối năm	**-**	**483.765.079**	**179.402.862.488**	**525.649.592**	**180.412.277.159**

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 178.431.326.072 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 284.099.359.617 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	7.410.095.096	7.410.095.096
- Đầu tư xây dựng phần mềm	170.900.000	170.900.000
Số dư cuối năm	**7.580.995.096**	**7.580.995.096**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	7.280.176.557	7.280.176.557
- Khấu hao trong năm	58.267.093	58.267.093
Số dư cuối năm	**7.338.443.650**	**7.338.443.650**
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	129.918.539	129.918.539
Tại ngày cuối năm	**242.551.446**	**242.551.446**

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.234.521	18.634.521
	Chi phí bảo hiểm ô tô, đội tàu, hỏa hoạn	1.099.971.033	2.932.598.714
	Chi phí sửa chữa tàu	600.276.726	-
	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	665.994.968	91.421.025
		2.374.477.248	**3.042.654.260**
b)	**Dài hạn**		
	Sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ (*)	25.981.158.667	37.391.292.838
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	735.286.785	570.299.152
	Chi phí trả trước dài hạn khác	13.377.828	-
		26.729.823.280	**37.961.591.990**

(*) Căn cứ quy định kiểm tra, phân cấp tàu biển Việt Nam theo chu kỳ 5 năm (trong đó kiểm tra trên đà được tiến hành 2 lần trong một chu kỳ 5 năm với thời hạn không quá 3 năm giữa 2 lần lên đà). Trong năm 2023, Công ty có thực hiện sửa chữa lên đà tàu VTC Glory.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Dầu Nhờn Idemitsu Việt Nam	-	-	2.049.518.878	2.049.518.878
- Công ty Cổ phần Dầu Khí Quốc Tế PS	5.100.448.739	5.100.448.739	1.905.885.446	1.905.885.446
- Công ty TNHH TM & DV Hồng Thư	866.389.424	866.389.424	1.536.389.424	1.536.389.424
- Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	422.771.500	422.771.500	1.045.123.500	1.045.123.500
- Công ty TNHH TMDV Tuấn Anh	864.221.664	864.221.664	1.330.471.318	1.330.471.318
- Phải trả các đối tượng khác	5.287.708.168	5.287.708.168	10.302.558.526	10.302.558.526
	12.541.539.495	**12.541.539.495**	**18.169.947.092**	**18.169.947.092**

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Daedong Shipping Co., ltd	16.060.461.235	20.609.584.950
- Grace Group Singapore Pte Ltd	-	2.073.191.305
- Người mua trả tiền trước khác	325.487.498	325.487.498
	16.385.948.733	**23.008.263.753**

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	210.391.802	3.224.681.036	3.322.035.331	-	113.037.507
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	52.954.440	52.954.440	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	131.166.662	748.869.588	2.688.388.344	2.627.601.952	140.704.989	819.194.307
Thuế Thu nhập cá nhân	2.653.448	32.265.786	533.044.098	528.807.185	-	33.849.251
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	2.631.050.622	2.631.050.622	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	11.000.000	1.000.000	-
	133.820.110	**991.527.176**	**9.140.118.540**	**9.173.449.530**	**141.704.989**	**966.081.065**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay (*) (**)	749.099.215.307	1.203.854.577.876
- Tiền ăn của thuyền viên	4.284.079.425	3.513.096.732
- Phải trả tiền lương thuyền viên	-	11.416.396.090
- Chi phí phải trả khác	1.305.063.950	8.658.418.203
	754.688.358.682	**1.227.442.488.901**

(*) Trong đó chi phí lãi vay phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II tại thời điểm 31/12/2023 và 01/01/2023 lần lượt là 47.286.253.977 đồng và 44.033.356.635 đồng.
(**) Trong năm, Công ty thanh toán đúng theo tiến độ các khoản vay và chi phí lãi vay trong hợp đồng mua bán nợ với DATC nên đạt được thỏa thuận xóa nợ gốc là 86 tỷ VND và nợ lãi là 484,8 tỷ VND. Công ty thực hiện ghi nhận thu nhập khác với khoản được xóa nợ này tại thuyết minh số 29.

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước (*)	5.020.152.205	1.921.581.103
	5.020.152.205	**1.921.581.103**

(*) Đây là Doanh thu nhận trước của Deadong Shipping Co.,LTD về cung cấp cước vận tải biển.

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	3.500.887.072	5.160.350.128
- Bảo hiểm xã hội	942.083.212	650.480.586
- Bảo hiểm y tế	88.259.357	93.130.316
- Bảo hiểm thất nghiệp	67.883.591	46.653.853
- Công ty TNHH Trung Thủy Landcaster	19.341.957.535	19.341.925.635
- Khoản mượn tiền bà Dương Thanh Thủy lãi suất 0%	2.000.000.000	2.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.534.798.887	4.132.720.844
	29.475.869.654	**31.425.261.362**
b) Dài hạn		
- Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu VTC Phoenix	8.404.589.178	8.404.589.178
	8.404.589.178	**8.404.589.178**

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	**999.578.601**	**999.578.601**	**20.005.825.140**	**1.005.403.741**	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	999.578.601	999.578.601	5.825.140	1.005.403.741	-	-
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội(1)	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay dài hạn đã quá hạn trả	**331.443.708.819**	**331.443.708.819**	**273.060.968**	**52.336.949.095**	**279.379.820.692**	**279.379.820.692**
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (2)	25.648.220.692	25.648.220.692	-	240.000.000	25.408.220.692	25.408.220.692
- Ngân hàng TMCP Á Châu	32.193.888.127	32.193.888.127	273.060.968	32.466.949.095	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II (3)	8.600.000.000	8.600.000.000	-	440.000.000	8.160.000.000	8.160.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (4)	265.001.600.000	265.001.600.000	-	19.190.000.000	245.811.600.000	245.811.600.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	**66.481.781.357**	**66.481.781.357**	**40.000.000.000**	**66.481.781.357**	**40.000.000.000**	**40.000.000.000**
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (5)	66.481.781.357	66.481.781.357	40.000.000.000	66.481.781.357	40.000.000.000	40.000.000.000
	398.925.068.777	**398.925.068.777**	**60.278.886.108**	**119.824.134.193**	**339.379.820.692**	**339.379.820.692**

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (2)	25.648.220.692	25.648.220.692	-	240.000.000	25.408.220.692	25.408.220.692
- Ngân hàng TMCP Á Châu	32.193.888.127	32.193.888.127	273.060.968	32.466.949.095	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II (3)	8.600.000.000	8.600.000.000	-	440.000.000	8.160.000.000	8.160.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (4)	265.001.600.000	265.001.600.000	-	19.190.000.000	245.811.600.000	245.811.600.000
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (5)	392.192.206.305	392.192.206.305	69.981	192.542.903.087	199.649.373.199	199.649.373.199
	723.635.915.124	**723.635.915.124**	**273.130.949**	**244.879.852.182**	**479.029.193.891**	**479.029.193.891**
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(397.925.490.176)	(397.925.490.176)	(40.273.060.968)	(118.818.730.452)	(319.379.820.692)	(319.379.820.692)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	**325.710.424.948**	**325.710.424.948**			**159.649.373.199**	**159.649.373.199**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư tại ngày 31/12/2023 (đồng)	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
				Nợ ngắn hạn (đồng)	Nợ đã quá hạn thanh toán (đồng)	Nợ dài hạn đến hạn trả (đồng)	Vay dài hạn (đồng)			
1	**Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội**		**20.000.000.000**	**20.000.000.000**	-	-	-			
	Số 2030/23/TD/SME/127	06 tháng	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh		Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng cầm cố tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
2	**Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM**		**25.408.220.692**	-	**25.408.220.692**	-	-			
	Số 89/07/HCM ngày 02/01/2007	96 tháng	25.408.220.692	-	25.408.220.692	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT-chiếc 02/KH2005 (VTC Phoenix)	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới 29/07/2020	Tàu VTC Phoenix, Số hiệu/Số IMO: 3WXR/9536337 theo dự án đầu tư đóng mới tàu chở hàng khô loại 22.500 DWT chiếc số 02/KH2005
3	**Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II**		**8.160.000.000**	-	**8.160.000.000**	-	-			
	Số 83/2011/HĐTDĐTSĐBS-NHPT ngày 27/12/2011	180 tháng	8.160.000.000	-	8.160.000.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 6.500 DWT - Chiếc số 04/KH2004	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới tháng 08/2020	Tàu Viễn Đông 5 đã bán ngày 03/07/2019 . Hiện tại không còn TSĐB

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư tại ngày 31/12/2023 (đồng)	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
				Nợ ngắn hạn (đồng)	Nợ đã quá hạn thanh toán (đồng)	Nợ dài hạn đến hạn trả (đồng)	Vay dài hạn (đồng)			
4	**Ngân hàng Phát triển Việt Nam - khu vực Đông Bắc**		**245.811.600.000**	-	**245.811.600.000**	-	-			
	Số 06/2003/HĐTD-TWTW ngày 21/07/2003	144 tháng	28.392.600.000	-	28.392.600.000		-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 6.500 DWT	Được tái cơ cấu lịch trả nợ tới tháng 6/2018	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 6.500 DWT- Tàu Viễn Đông 3
	Số 05/2005/HĐTD -TDTW ngày 28/07/2005	144 tháng	100.662.000.000	-	100.662.000.000	-		Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 8/2020	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - Tàu VTC Dragon
	Số 07/2006/HĐTDSĐ-TDI ngày 31/08/2011	144 tháng	116.757.000.000	-	116.757.000.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 11/2021	Tài sản được hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - VTC Phoenix

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư tại ngày 31/12/2023 (đồng)	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
				Nợ ngắn hạn (đồng)	Nợ đã quá hạn thanh toán (đồng)	Nợ dài hạn đến hạn trả (đồng)	Vay dài hạn (đồng)			
5	**Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM**		199.649.373.199	-	-	40.000.000.000	159.649.373.199			
	Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. HCM và CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ngày 20/12/2022. Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ngày 17/01/2023.		199.649.373.199	-	-	40.000.000.000	159.649.373.199	Các khoản nợ đối với Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn và Ngân hàng TMCP Bảo Việt phát sinh khi đầu tư mua tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT đã được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	Đang trong hạn thanh toán	- Tàu chở hàng khô VTC Ocean, trọng tải 23.000 tấn, đóng năm 1999, nơi đóng Philippine. - Tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT
	Tổng cộng		**499.029.193.891**	**20.000.000.000**	**279.379.820.692**	**40.000.000.000**	**159.649.373.199**			

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**629.993.370.000**	**88.258.000**	**10.753.625.664**	**4.840.727.077**	**(2.361.988.637.432)**	**(1.716.312.656.691)**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	214.539.814.131	214.539.814.131
Phân phối lợi nhuận	-	-	446.013.216	-	(902.823.788)	(456.810.572)
Số dư cuối năm trước	**629.993.370.000**	**88.258.000**	**11.199.638.880**	**4.840.727.077**	**(2.148.351.647.089)**	**(1.502.229.653.132)**
Số dư đầu năm nay	**629.993.370.000**	**88.258.000**	**11.199.638.880**	**4.840.727.077**	**(2.148.351.647.089)**	**(1.502.229.653.132)**
Tăng vốn trong năm nay	40.000.000.000	-	-	-	-	40.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	557.820.404.375	557.820.404.375
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	531.606.600	-	(1.817.403.577)	(1.285.796.977)
Giảm khác	-	-		-	(4.243.107)	(4.243.107)
Số dư cuối năm nay	**669.993.370.000**	**88.258.000**	**11.731.245.480**	**4.840.727.077**	**(1.592.352.889.398)**	**(905.699.288.841)**

Theo Quyết định phân phối lợi nhuận số 08/QĐ-HĐQT ngày 31/03/2023 và Quyết định số 34/QĐ-HĐQT ngày 10/10/2023 Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và 9 tháng đầu năm 2023 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại công ty con
	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	531.606.600
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.285.796.977

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	44,61%	298.880.000.000	47,44%	298.880.000.000
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	8,96%	60.000.000.000	3,17%	20.000.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	3,13%	20.984.000.000	3,56%	22.433.000.000
Các cổ đông khác	43,30%	290.129.370.000	45,82%	288.680.370.000
	100%	**669.993.370.000**	**100%**	**629.993.370.000**

c) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	669.993.370.000	629.993.370.000
- *Vốn góp đầu năm*	*629.993.370.000*	*629.993.370.000*
- *Vốn góp tăng trong năm*	*40.000.000.000*	-
- *Vốn góp cuối năm*	*669.993.370.000*	*629.993.370.000*

d) **Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.999.337	62.999.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	66.999.337	62.999.337
- *Cổ phiếu phổ thông*	*66.999.337*	*62.999.337*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.999.337	62.999.337
- *Cổ phiếu phổ thông*	*66.999.337*	*62.999.337*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) **Các quỹ công ty**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.731.245.480	11.199.638.880
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.840.727.077	4.840.727.077
	16.571.972.557	**16.040.365.957**

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty có các hợp đồng thuê đất hàng năm tại số 428 Nguyễn Tất Thành; 438 Nguyễn Tất Thành và số 36 Nguyễn Thị Minh Khai để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng. Diện tích khu đất thuê lần lượt là 1.167 m2; 143,4 m2 và 431 m2. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	911.829,61	933.480,77
- Đồng Euro (EUR)	-	0,70

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	1.208.068.467	1.208.068.467
- Các khoản đã xóa nợ khác	7.472.240.260	7.472.240.260

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	19.206.515.500	18.193.180.640
Doanh thu cung cấp dịch vụ	418.460.063.253	759.835.541.581
	437.666.578.753	**778.028.722.221**

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18.498.920.088	17.569.516.245
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	427.288.062.351	526.196.493.023
	445.786.982.439	**543.766.009.268**

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.455.146.183	4.997.495.699
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.414.117.159	12.367.222.697
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	305.755.685	751.160.267
	7.175.019.027	**18.115.878.663**

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	43.475.407.392	65.537.829.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.709.352.372	28.139.964.730
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	49.869.791	418.475.110
Chi phí tài chính khác	3.194.925.919	30.623.481
	50.429.555.474	**94.126.892.722**

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí hoa hồng môi giới	5.592.023.058	12.334.756.586
	5.592.023.058	**12.334.756.586**

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.153.570.685	1.409.615.993
Chi phí nhân công	17.777.422.866	17.095.487.241
Chi phí khấu hao tài sản cố định	552.329.623	441.895.224
Thuế, phí, lệ phí	1.227.031.111	1.023.482.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.862.434.723	4.692.240.709
Chi phí khác bằng tiền	5.301.769.236	4.225.262.451
	30.874.558.244	**28.887.984.044**

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định(*)	84.702.030.791	75.800.148.517
Nghĩa vụ nợ được giảm khi thực hiện xong cam kết (**)	570.902.797.915	85.743.264.176
Thu nhập khác	482.771.801	593.933.296
	656.087.600.507	**162.137.345.989**

(*) Ngày 26/10/2023, Công ty đã thanh lý tàu VTC Sun (trọng tải 23.581 DWT, đóng năm 1996 tại Nhật Bản) và bàn giao tàu cho người mua tại cảng Hòn Gai, Việt Nam.

(**) Ngày 15/03/2022, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) đã ký kết hợp đồng mua bán nợ số 001/2022/MBN/ACB-DATC, kể từ ngày 30/03/2022, DATC chính thức là chủ nợ mới của Vitranschart và được kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ đối với khoản nợ được DATC nhận chuyển giao từ ngân hàng ACB.
Theo Biên bản "Xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Á Châu, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam" ngày 31/03/2022, về việc xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ, xác định số tiền Công ty phải trả Ngân hàng TMCP Á Châu đến ngày 30/03/2022 là 432.496.565.129 tỷ đồng.
Theo công văn số 121/CNHCM-PMBN ngày 25/05/2023, DATC xác nhận Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam đã hoàn tất toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ cho DATC đối với khoản nợ DATC nhận chuyển giao từ ACB. Do đó, Công ty ghi nhận 484.841.676.185 đồng tiền lãi vay và 86.061.121.730 đồng tiền gốc vay của khoản nợ vay này vào thu nhập khác.

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	8.008.588	101.237.380
Chi phí lãi phạt đối với các khoản vay đã quá hạn	-	61.302.695.075
Chi phí lãi phạt đối với các khoản vay đã quá hạn và lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II đối với tàu Viễn Đông 5	2.664.185.778	-
Tiền chậm nộp thuế, truy thu thuế	168.399.332	-
Chi phí khác	4.986.712.221	313.420.762
	7.827.305.919	**61.717.353.217**

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con SCCM	2.598.368.778	2.873.116.692
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con Hải Đăng	-	36.020.213
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**2.598.368.778**	**2.909.136.905**
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	90.019.566	49.971.928
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	617.702.926	289.309.577
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.627.601.952)	(2.630.715.484)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**678.489.318**	**617.702.926**

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	557.820.404.375	214.539.814.131
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	557.820.404.375	214.539.814.131
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	66.570.766	62.999.337
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**8.379**	**3.405**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.618.162.276	36.980.435.614
Chi phí nhân công	248.637.650.152	270.227.623.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.478.896.893	134.589.012.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.714.423.709	16.436.429.177
Chi phí khác bằng tiền	103.804.430.711	126.755.248.663
	482.253.563.741	**584.988.749.898**

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	29.247.954.987	-	-	29.247.954.987
Phải thu khách hàng, phải thu khác	153.182.313.386	23.249.186.422	-	176.431.499.808
	182.430.268.373	**23.249.186.422**	**-**	**205.679.454.795**
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	34.104.422.562	-	-	34.104.422.562
Phải thu khách hàng, phải thu khác	143.138.577.438	23.249.154.521	-	166.387.731.959
	177.243.000.000	**23.249.154.521**	**-**	**200.492.154.521**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	339.379.820.692	159.649.373.199	-	499.029.193.891
Phải trả người bán, phải trả khác	42.017.409.149	8.404.589.178	-	50.421.998.327
Chi phí phải trả	754.688.358.682	-	-	754.688.358.682
	1.136.085.588.523	**168.053.962.377**	**-**	**1.304.139.550.900**
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	398.925.068.777	325.710.424.948	-	724.635.493.725
Phải trả người bán, phải trả khác	49.595.208.454	8.404.589.178	-	57.999.797.632
Chi phí phải trả	1.227.442.488.901	-	-	1.227.442.488.901
	1.675.962.766.132	**334.115.014.126**	**-**	**2.010.077.780.258**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	**Tổng cộng toàn doanh nghiệp**
	VND	VND	**VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	232.165.277.658	205.501.301.095	437.666.578.753
Chi phí bộ phận trực tiếp	265.565.237.041	180.221.745.398	445.786.982.439
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**(33.399.959.383)**	**25.279.555.697**	**(8.120.403.686)**
Tổng chi phí mua TSCĐ	38.228.636		38.228.636
Tài sản bộ phận trực tiếp	413.663.882.559	45.156.176.386	458.820.058.945
Tổng tài sản	**413.663.882.559**	**45.156.176.386**	**458.820.058.945**
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.322.043.689.417	42.475.658.369	1.364.519.347.786
Tổng nợ phải trả	**1.322.043.689.417**	**42.475.658.369**	**1.364.519.347.786**

Theo khu vực địa lý

	Quốc tế	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	429.867.340.477	7.799.238.276	437.666.578.753
Tài sản không phân bổ	-	-	458.820.058.945
Nợ phải trả bộ phận	1.669.626.172	1.362.849.721.614	1.364.519.347.786

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)	Công ty con
Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	Công ty con

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch HĐQT	594.510.606	719.726.151
Ông Trịnh Hữu Lương	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	596.681.668	721.696.249
Bà Mai Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	463.611.001	556.891.845
Ông Lê Duy Dương	Ủy viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/04/2023)	32.000.000	
Ông Nguyễn Hoàng Sang	Ủy viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/04/2023)	32.000.000	
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	16.000.000	48.000.000
Ông Trần Trung Dũng	Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	16.000.000	48.000.000
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng giám đốc	389.648.159	475.653.340

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban BKS	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 21/04/2023)	24.000.000	-
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	12.000.000	36.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Lê Kim Phượng	**Mai Thị Thu Vân**	**Trịnh Hữu Lương**
Người lập, Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Số : 54 /TCKT V/v: Giải trình kết quả kiểm toán BCTC Tổng hợp và Hợp nhất năm 2023.	*TP Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2024*

Kính gửi **:**

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Mã chứng khoán: VST) xin giải trình các nội dung tại Báo cáo Tài chính (BCTC) đã được kiểm toán năm 2023 của Công ty so với cùng kỳ năm trước như sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2023:

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước	So sánh (tăng + / giảm -)	
			Giá trị	%
Tổng doanh thu Hợp nhất	**1.100.929**	**958.282**	**142.647**	**15%**
Trong đó, số liệu Tổng hợp	869.148	729.631	139.517	19%
Lợi nhuận sau thuế TNDN Hợp nhất	**557.820**	**214.540**	**343.280**	**160%**
Trong đó, số liệu Tổng hợp	563.711	211.850	351.861	166%

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, theo đó kết quả kinh doanh năm 2023 có lợi nhuận sau thuế lãi gần 558 tỷ đồng, **tăng lãi hơn 343 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu nhờ khoản thu từ lợi nhuận bán tàu VTC Sun và xử lý tài chính do giảm trừ nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) chuyển giao cho Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (DATC), miễn trả lãi vay cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

2. Giải trình ý kiến kiểm toán

(1) *Kiểm toán lo ngại khả năng hoạt động liên tục, do bởi chỉ tiêu lũy kế lợi nhuận kế toán âm và nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn:* Đây là đặc điểm chung của các doanh nghiệp vận tải biển trong thời gian tái cơ cấu. Công ty đang phấn đấu giảm lỗ tối đa và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp phần lỗ, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng. Hiện tại, bên cạnh việc thực hiện các giải pháp về kinh doanh - thị trường để gia tăng lợi nhuận, Công ty cũng đã đạt thỏa thuận tái cơ cấu tài chính với các ngân hàng và dự kiến được miễn giảm nghĩa vụ trả nợ trong năm 2024-2025. Với căn cứ pháp lý như trên, Công ty có đủ cơ sở giả định hoạt động liên tục trong thời gian tới.

(2) *Khoản phạt 29,306 tỷ đồng từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt chưa được Công ty ghi nhận năm 2022*: Đây là khoản phí phạt phát sinh sau khi ngân hàng bán và chuyển giao

khoản nợ cho DATC, theo đó Công ty không có nghĩa vụ trả khoản phạt này cho DATC theo thỏa thuận hai bên đã ký kết.

Các giải pháp khắc phục ý kiến kiểm toán:

1- Công ty tranh thủ tận dụng cơ hội thị trường để ký hợp đồng cho thuê tàu và thuyền viên theo hướng có lợi, đồng thời tăng cường kiểm soát chi phí để cải thiện kết quả kinh doanh.

2- Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 của Công ty, trong đó có việc triển khai nhóm giải pháp giảm lỗ và duy trì hoạt động SXKD nói chung cũng như đội tàu Vitranschart nói riêng, bao gồm các giải pháp về kinh doanh - thị trường, về quản trị tài chính, tái cơ cấu tài chính, tăng doanh thu, giảm chi phí, tăng cường quản lý kỹ thuật đội tàu,…

3- Công ty tập trung nguồn lực thực hiện đúng theo cam kết với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) nhằm được miễn giảm nghĩa vụ tài chính đối với khoản nợ vay tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt và Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Chợ lớn. Hoàn thiện hồ sơ trình Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) để được hưởng chính sách theo Nghị định 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 32/2017/NĐ-CP ngày 31/03/2017 về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

Trên đây là ý kiến giải trình của VST kính trình Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận :
- Như trên
- HĐQT, BKS (báo cáo)
- Tký Cty
- Lưu VT, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D: 0300448709 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
QUẬN 4 TP. HỒ CHÍ MINH

Trịnh Hữu Lương